



**BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỲ



Tháng 4 - 2013

Kỷ niệm 55 năm ngày truyền thống ngành Xây dựng (29/4/1958 - 29/4/2013)

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2013



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng phát biểu tại Lễ kỷ niệm



Các thế hệ cán bộ lãnh đạo ngành Xây dựng chụp ảnh lưu niệm

THÔNG TIN XÂY DỰNG CƠ BẢN & KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI BỐN

8

SỐ 8 - 4/2013



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Nghị định số 27/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường 5
- Quyết định số 597/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 7

Văn bản của địa phương

- Quyết định số 12/2013/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định về quản lý đầu tư, sản xuất gạch, ngói nung trên địa bàn thành phố Hà Nội 9
- Quyết định số 929/2013/QĐ-UBND tỉnh Quảng Ninh ban hành Quy định cấp Giấy phép xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh 11
- Quyết định số 245/QĐ-UBND tỉnh Ninh Bình phê duyệt Quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Ninh Bình đến năm 2030 13

Khoa học công nghệ xây dựng

- Hội thảo về công trình xanh 17
- Hội nghị thẩm định Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng Khu Du lịch thác Bản Giốc 20
- Nhà thông minh - triển vọng phát triển 21
- Kiến trúc và tính tiện nghi cần thiết của môi trường sống đối với con người 23
- Những vấn đề áp dụng Tiêu chuẩn châu Âu tại Liên bang Nga 28

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

Ban biên tập:

CN. NGUYỄN THỊ MINH HOA

(Trưởng ban)

CN. BẠCH MINH TUẤN **(Phó ban)**

CN. ĐỖ KIM NHẠM

CN. BÙI QUỲNH ANH

CN. TRẦN THU HUYỀN

CN. NGUYỄN BÍCH NGỌC

CN. NGUYỄN LỆ MINH

CN. PHẠM KHÁNH LY

Thông tin

- Bộ Xây dựng tổ chức gặp mặt các thể hệ cán bộ lãnh đạo ngành Xây dựng nhân kỷ niệm 55 năm ngày truyền thống của Ngành (29/4/1958 - 29/4/2013) 32
- Hội thảo và Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam - Hàn Quốc về xây dựng thành phố thông minh và hạ tầng dữ liệu không gian quốc gia 33
- Công nghiệp hóa xây dựng - Sứ mệnh xanh hóa 35
- Quản lý nguồn tài nguyên rác thải xây dựng 37
- Phát triển thành phố - thước đo giá trị sinh thái 39
- Vai trò của doanh nghiệp trong Xây dựng xanh 41
- Phân tích chiến lược tiêu thụ của các doanh nghiệp bất động sản Trung Quốc 42
- Kinh nghiệm và những gợi ý trong quản lý xây dựng quy hoạch đô thị của ba nước Bắc Âu 46



VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Nghị định số 27/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

Ngày 29/3/2013, Chính phủ ban hành Nghị định số 27/2013/NĐ-CP quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường, hồ sơ và thủ tục cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung, cấp lại, tạm thời đình chỉ hiệu lực, thu hồi và hủy bỏ Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Theo Nghị định này, Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường được cấp cho tổ chức thực hiện hoạt động quan trắc tại hiện trường khi đáp ứng đủ các điều kiện: Có Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận hoạt động khoa học và công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp trong đó có hoạt động quan trắc môi trường; Có đủ điều kiện về nhân lực thực hiện hoạt động quan trắc hiện trường (người đứng đầu của tổ chức phải có trình độ từ đại học trở lên; có đủ số lượng cán bộ thực hiện hoạt động quan trắc tại hiện trường theo các thành phần môi trường và thông số quan trắc đề nghị chứng nhận; phải có người trực tiếp phụ trách đội quan trắc tại hiện trường có trình độ đại học trở lên với một trong các chuyên ngành về môi trường, hóa học, sinh học, lâm nghiệp, thổ nhưỡng, vật lý hạt nhân, phóng xạ, địa lý, địa chất và có tối thiểu 24 tháng kinh nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường; cán bộ thực hiện quan trắc tại hiện trường tối thiểu phải có trình độ sơ cấp tương ứng với ngạch quan trắc viên sơ cấp tài nguyên môi trường, trong đó số cán bộ có trình độ sơ cấp chiếm không quá 30% đội ngũ cán bộ quan trắc tại hiện trường); Có đủ điều kiện

về trang thiết bị và cơ sở vật chất thực hiện hoạt động quan trắc tại hiện trường (có các trang thiết bị, dụng cụ và hóa chất đủ để thực hiện việc lấy mẫu, bảo quản mẫu và đo, thử nghiệm và phân tích tại hiện trường các thành phần môi trường, thông số quan trắc môi trường đề nghị chứng nhận theo đúng phương pháp quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có quy trình bảo quản, sử dụng an toàn, bảo dưỡng và kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc quy định của nhà sản xuất; có quy trình sử dụng, vận hành tất cả các thiết bị lấy và bảo quản mẫu, đo, thử nghiệm và phân tích tại hiện trường; trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ và an toàn lao động cho cán bộ khi thực hiện nhiệm vụ quan trắc tại hiện trường; có trụ sở làm việc và đủ diện tích đặc thù để bảo đảm chất lượng công tác quan trắc tại hiện trường và quản lý số liệu, kết quả quan trắc).

Tổ chức được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường trong lĩnh vực phân tích môi trường phải có đủ các điều kiện: Có Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận hoạt động khoa học và công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp trong đó có hoạt động quan trắc môi trường; Có đủ điều kiện về nhân lực thực hiện hoạt động phân tích môi trường (người đứng đầu của tổ chức phải có trình độ từ đại học trở lên; có đủ số lượng cán bộ được đào tạo thích hợp để thực hiện các nhiệm vụ thuộc phạm vi phân tích môi trường đề nghị chứng nhận; người quản lý

phòng thí nghiệm phải có trình độ đại học trở lên đối với một trong các chuyên ngành về hóa học, môi trường, sinh học, thổ nhưỡng, vật lý hạt nhân, phóng xạ, địa lý, địa chất và phải có tối thiểu 5 năm kinh nghiệm đối với trường hợp có trình độ đại học, 3 năm kinh nghiệm đối với trường hợp có trình độ Thạc sĩ, 2 năm kinh nghiệm đối với trường hợp có trình độ Tiến sĩ trong lĩnh vực phân tích môi trường; trưởng nhóm phân tích môi trường tối thiểu phải có trình độ đại học trở lên với một trong các chuyên ngành về hóa học, môi trường, sinh học, thổ nhưỡng, vật lý hạt nhân, phóng xạ và có tối thiểu 18 tháng kinh nghiệm trong lĩnh vực phân tích môi trường đề nghị chứng nhận hoặc có khả năng sử dụng thành thạo tối thiểu một thiết bị chuyên sâu của phòng thí nghiệm; cán bộ bảo đảm chất lượng và kiểm soát chất lượng phòng thí nghiệm phải có trình độ đại học trở lên với một trong các chuyên ngành về hóa học, môi trường, sinh học, thổ nhưỡng, vật lý hạt nhân, phóng xạ và phải có tối thiểu 3 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực phân tích môi trường; cán bộ thí nghiệm, trừ người quản lý phòng thí nghiệm, trưởng nhóm phân tích và cán bộ bảo đảm chất lượng và kiểm soát chất lượng, phải có trình độ trung cấp trở lên, được đào tạo trong lĩnh vực phân tích môi trường đề nghị chứng nhận; Có đủ điều kiện về trang thiết bị và cơ sở vật chất thực hiện hoạt động phân tích môi trường (có trang thiết bị, dụng cụ và hóa chất đủ để thực hiện việc phân tích các thông số môi trường của các thành phần môi trường đề nghị chứng nhận bảo đảm độ chính xác theo phương pháp phân tích theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có quy trình bảo quản, sử dụng an toàn, bảo dưỡng và kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị phân tích theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc quy định của nhà sản xuất; có quy trình sử dụng, vận hành tất cả các thiết bị phân tích môi trường; có đầy đủ các phương tiện bảo hộ và an toàn lao động cho cán bộ thực hiện nhiệm vụ

phân tích môi trường; có quy trình bảo quản, sử dụng hóa chất, các chuẩn đo, các mẫu chuẩn và xử lý, lưu mẫu phân tích theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc quy định của nhà sản xuất; có trụ sở làm việc, đủ diện tích đặc thù để bảo đảm chất lượng công tác phân tích môi trường và phải bảo đảm duy trì tốt điều kiện môi trường phòng thí nghiệm về ánh sáng, nguồn điện, độ ẩm, nhiệt độ, vô trùng, chế độ thông gió theo yêu cầu của phép phân tích do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định hoặc yêu cầu của nhà sản xuất; có các biện pháp bảo đảm vệ sinh công nghiệp, an toàn phòng cháy, chữa cháy và tuân thủ nghiêm ngặt việc thu gom, xử lý chất thải phòng thí nghiệm theo đúng quy định của pháp luật).

Tổ chức muốn tham gia hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường phải làm thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường. Tổ chức muốn gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường phải nộp hồ sơ đề nghị gia hạn trước khi Giấy chứng nhận đã cấp hết hiệu lực ít nhất 3 tháng. Tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường muốn thay đổi lĩnh vực, phạm vi quan trắc tại hiện trường và phân tích môi trường so với nội dung Giấy chứng nhận đã được cấp hoặc khi tổ chức hợp nhất, sáp nhập nếu có nhu cầu tiếp tục hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ quan trắc môi trường phải làm thủ tục điều chỉnh nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường không được điều chỉnh nội dung trong trường hợp Giấy chứng nhận chỉ còn hiệu lực trong thời hạn 6 tháng. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường được xem xét, cấp lại trong các trường hợp: Giấy chứng nhận đã cấp bị mất; Giấy chứng nhận đã cấp bị rách nát, hư hỏng không thể sử dụng được. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường bị tạm đình chỉ hiệu lực trong các

trường hợp: Tổ chức tham gia hoạt động quan trắc môi trường không đúng phạm vi, lĩnh vực được cấp Giấy chứng nhận; Tổ chức sử dụng Giấy chứng nhận không đúng mục đích; Tổ chức không thực hiện đúng các quy định về chứng nhận; Tổ chức không thực hiện đúng và đầy đủ các quy định kỹ thuật về quy trình, phương pháp quan trắc môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định, không duy trì chương trình bảo đảm chất lượng trong quan trắc môi trường. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường bị thu

hồi, hủy bỏ khi: Tổ chức bị cấm hoạt động, bị tuyên bố phá sản, bị giải thể, chia, tách; Tổ chức không còn đáp ứng đủ một trong các điều kiện được cấp Giấy chứng nhận; Tổ chức không thực hiện đúng cam kết tuân thủ quy định kỹ thuật về quan trắc môi trường và không thực hiện, duy trì chương trình bảo đảm chất lượng trong quan trắc môi trường.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/6/2013.

(Xem toàn văn tại www.chinhphu.vn)

Quyết định số 597/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Ngày 16/4/2013, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 597/QĐ-TTg phê duyệt Nhiệm vụ Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với quan điểm: Phù hợp với định hướng Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam, Quy hoạch xây dựng vùng kinh tế trọng điểm miền Trung; bảo tồn, phát huy và khai thác các giá trị văn hóa, lịch sử và công trình của cố đô Huế bảo đảm phát triển bền vững môi trường sinh thái, hỗ trợ và thúc đẩy phát triển các đô thị xung quanh nhằm phát huy tiềm năng về văn hóa, du lịch và khắc phục hạn chế trong việc sử dụng các nguồn lực cho đầu tư phát triển, tạo sức lan tỏa cho việc phát triển đô thị toàn tỉnh; đảm bảo sử dụng hiệu quả quỹ đất xây dựng, đầu tư xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng kỹ thuật, xã hội, kiểm soát chất lượng môi trường, hài hòa giữa bảo tồn, cải tạo và xây dựng mới, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững, xây dựng đô thị có điều kiện sống tốt, tăng cường sức cạnh tranh đô thị trong vùng, khu vực và quốc tế.

Về chỉ tiêu dân số, đến năm 2030, dân số

thành phố Huế và các đô thị trong phạm vi lập điều chỉnh quy hoạch chung khoảng 670.000 người, trong đó quy mô dân số thành phố Huế khoảng 410.000 người và quy mô dân số khu vực định hướng phát triển, mở rộng đô thị khoảng 260.000 người; đến năm 2050, dự báo dân số thành phố Huế và khu vực định hướng phát triển, mở rộng khoảng 1 triệu người. Về chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, căn cứ vào quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy phạm ban hành về quy hoạch xây dựng, khả năng quỹ đất, điều kiện tự nhiên, môi trường, áp dụng chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật theo tiêu chí đô thị loại I được quy định tại Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ.

Nội dung nghiên cứu lập điều chỉnh quy hoạch bao gồm: Khảo sát và đánh giá hiện trạng tự nhiên, kinh tế - xã hội và thực trạng của quy hoạch đô thị; định hướng phát triển không gian đô thị; tổ chức không gian; xác định hệ thống hạ tầng xã hội, trung tâm hành chính, trung tâm thương mại, dịch vụ, trung tâm công cộng, công viên cây xanh, các cửa ngõ và không gian mở của đô thị; định hướng phát triển

hệ thống hạ tầng kỹ thuật; đánh giá môi trường chiến lược; đề xuất các giải pháp và thiết lập các vùng bảo tồn, kế hoạch bảo tồn, mối liên hệ và quản lý nhằm bảo vệ, khai thác, phát huy di sản; xác định các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư phù hợp với dự báo nguồn lực, đề xuất các giải pháp thực hiện quy hoạch, kế hoạch hành động theo các giai đoạn; dự thảo Quy định quản lý theo đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Cụ thể, đối với nội dung khảo sát và đánh giá hiện trạng tự nhiên, kinh tế - xã hội và thực trạng của đô thị, cần phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên và hiện trạng về kinh tế - xã hội, dân số, lao động, sử dụng đất đai, hiện trạng về xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng xã hội, môi trường của đô thị; phân tích hiện trạng về quy hoạch, kiến trúc cảnh quan của đô thị và đánh giá việc thực hiện Quyết định số 166/1999/QĐ-TTg ngày 10/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Huế đến năm 2020; xác định tính chất, mục tiêu, động lực phát triển, quy mô dân số, lao động, quy mô đất xây dựng đô thị, các chỉ tiêu đất đai, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật cho đô thị phù hợp với các yêu cầu phát triển của từng giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; dự kiến sử dụng đất của đô thị theo yêu cầu phát triển của từng giai đoạn.

Đối với nội dung định hướng phát triển không gian đô thị, cần nghiên cứu và đề xuất mô hình phát triển không gian đô thị bảo đảm sự gắn kết đồng bộ và ổn định giữa các không gian, phù hợp với các chiến lược phát triển đô thị, phát triển không gian đô thị phải có sự chuyển tiếp hài hòa giữa các khu đô thị hiện hữu, các khu vực di tích và các khu đô thị mới; đề xuất các phương án phân khu chức năng (khu vực bảo tồn, khu vực chỉnh trang đô thị, khu vực phát triển đô thị, khu vực phát triển công nghiệp, khu vực phát triển du lịch sinh

thái, nghỉ dưỡng, vùng bảo tồn môi trường thiên nhiên...), phát triển phải bảo đảm đô thị gắn kết với phát triển kinh tế và an ninh, quốc phòng, bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị di sản văn hóa thế giới đã được công nhận.

Đối với nội dung tổ chức không gian, cần xác định vị trí và tổ chức không gian các khu trung tâm đô thị, xác định các vùng kiến trúc cảnh quan có tầm quan trọng trong không gian đô thị như các trung tâm, các cửa ngõ vào thành phố, các tuyến phố trục không gian chính, các hành lang ven sông và dọc bờ biển, các khu vực quảng trường, cây xanh... để có giải pháp tổ chức không gian và tạo các điểm nhấn đô thị; đề xuất định hướng quy hoạch cảnh quan và kiến trúc đô thị cho các khu vực đặc thù trong thành phố, nghiên cứu đề xuất các giải pháp bảo vệ và tôn tạo các công trình di tích văn hóa lịch sử, các khu vực cảnh quan có vai trò quan trọng trong không gian đô thị, không gian ngầm đô thị.

Nội dung định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật được nghiên cứu quy hoạch hiện đại đáp ứng những mục tiêu và quan điểm phát triển của Tỉnh và thành phố, bảo đảm mỹ quan, an toàn và vệ sinh môi trường. Cụ thể, về giao thông đô thị, cần nghiên cứu quy hoạch các công trình kết nối với hệ thống giao thông quốc gia, quốc tế như cảng hàng không, cảng biển, ga đường sắt..., hoàn thiện hệ thống giao thông nội thị bảo đảm kết nối không gian đô thị và hoạt động của các khu chức năng, đề xuất các mô hình giao thông vận tải công cộng, xác định quy mô và quy hoạch bố trí hệ thống bến xe và bãi đỗ xe của thành phố. Về chuẩn bị kỹ thuật xây dựng, cần tận dụng địa hình tự nhiên, có tính đến những yếu tố bất lợi do khí hậu thay đổi để xác định cao độ nền khống chế tại từng khu vực và các tuyến giao thông chính, đề xuất các giải pháp thoát nước mưa kết hợp hệ thống hồ điều hòa, hạn chế ảnh hưởng bất lợi từ bão lũ và nước biển dâng. Về cấp nước, cần xác định

nhu cầu, nguồn cấp, vị trí và quy mô các công trình đầu mối cấp nước; quy hoạch mạng lưới đường ống cấp nước chính cùng các thông số kỹ thuật chủ yếu, đề xuất các giải pháp bảo vệ nguồn nước và quản lý vận hành hệ thống cấp nước. Về cấp điện và chiếu sáng đô thị, cần xác định nhu cầu phụ tải công suất, nguồn cấp, vị trí quy mô các trạm biến áp, các mạng lưới phân phối chính, đề xuất các giải pháp vận hành và bảo đảm an toàn mạng lưới. Về thoát nước thải, thu gom và xử lý rác, nghĩa trang và vệ sinh môi trường, cần xác định vị trí quy mô các khu xử lý chất thải rắn, đề xuất các giải pháp về mạng lưới thoát nước và các công trình đầu mối xử lý nước thải, các giải pháp bảo vệ môi trường. Về hệ thống thông tin viễn thông, cần xác định nhu cầu phát triển, loại hình dịch vụ viễn thông hiện đại cần được cung cấp, đề xuất giải pháp quy hoạch bố trí các công trình đầu mối, xác định các tuyến cáp chính trong cùng các trung tâm bưu chính cấp thành phố.

Đối với nội dung đánh giá môi trường chiến lược, cần nghiên cứu đánh giá tác động môi trường chiến lược và đề xuất các giải pháp bảo vệ và hạn chế các tác động của việc điều chỉnh

quy hoạch đến môi trường.

Ngoài ra, còn cần phải xác định ngưỡng phát triển về quy mô dân số đối với khu vực thành phố Huế để giảm sức ép dân cư, nâng cao chất lượng và điều kiện sống, bảo tồn được không gian, kiến trúc, cảnh quan đặc thù của đô thị; đề xuất các phương thức khoanh vùng và bảo vệ các di sản văn hóa; các giải pháp đẩy mạnh và tái tổ chức các khu vực di tích; đề xuất phân vùng cơ sở du lịch và hướng tuyến liên kết các cơ sở du lịch nhằm khai thác tối đa tiềm năng lợi thế của đô thị Huế và các khu vực lân cận; hạn chế phát triển theo quy hoạch đề xuất các khu dân cư đô thị dọc theo các tuyến giao thông hướng vào trung tâm thành phố; đề xuất xây dựng các trục không gian cảnh quan đô thị kết nối các giá trị văn hóa lịch sử với giá trị cảnh quan thiên nhiên đặc thù.

Theo Quyết định này, đồ án phải được hoàn thành và phê duyệt trước ngày 30/6/2013.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại www.chinhphu.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Quyết định số 12/2013/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định về quản lý đầu tư, sản xuất gạch, ngói nung trên địa bàn thành phố Hà Nội

Ngày 12/4/2013, UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 12/2013/QĐ-UBND ban hành Quy định về quản lý đầu tư, sản xuất gạch, ngói nung (bao gồm gạch đặc, gạch rỗng, gạch ốp lát, trang trí, ngói lợp các loại được sản xuất từ nguyên liệu đất sét, nguyên liệu khác; sản phẩm được tạo thành qua quá trình nhào luyện và nung đốt ở nhiệt độ thích

hợp, dùng để xây, lợp và hoàn thiện các công trình xây dựng) trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Theo Quy định này, tổ chức, cá nhân khi đầu tư sản xuất gạch, ngói nung phải đảm bảo các điều kiện: Đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật, thực hiện trình tự, thủ tục về đầu tư theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng; dự án đầu tư sản xuất

gạch, ngói nung phải phù hợp với Quyết định số 4524/QĐ-UBND ngày 29/9/2011 của UBND Thành phố phê duyệt Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của từng địa phương; phải có công nghệ, thiết bị sản xuất đạt trình độ tiên tiến, bảo đảm chất lượng sản phẩm và môi trường sinh thái, khuyến khích các chủ đầu tư lựa chọn đầu tư công nghệ sấy nung sản phẩm bằng lò tuynel liên hoàn với thiết bị sản xuất trong nước; sản phẩm gạch, ngói phải đạt chất lượng theo tiêu chuẩn đã được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Nguyên liệu để sản xuất gạch, ngói nung bao gồm đất sét mỏ, đất sét đồi tại những khu vực đã được quy hoạch sử dụng sản xuất gạch, ngói; đất úng, ngập không có khả năng canh tác; đất nạo vét, khơi sâu ao, sông, hồ, đất ven sông ngoài hành lang bảo vệ đê không dùng để sản xuất nông nghiệp, đất đê đã được hủy bỏ, đất hạ cốt để cải tạo đồng ruộng, đất nạo vét, đào kênh, mương đã có đề án được duyệt, các loại nguyên liệu khác (phế thải xây dựng và các loại vật liệu khác). Khai thác đất để sản xuất gạch, ngói đất sét nung phải tuân thủ các quy định của Luật Khoáng sản, Luật Bảo vệ môi trường, có quy trình, thiết bị khai thác phù hợp, đảm bảo khai thác đúng quy hoạch, sử dụng hợp lý, có hiệu quả và có phương án sử dụng hoặc hoàn trả lại mặt bằng sau khi khai thác xong. Việc khai thác đất sét mỏ, đất sét đồi để sản xuất gạch, ngói phải được cấp phép khai thác theo quy định của Luật Khoáng sản. Việc giao đất sét mỏ, đất sét đồi cho các tổ chức, cá nhân để đầu tư sản xuất gạch, ngói được thực hiện theo các Quyết định có liên quan. Khuyến khích các doanh nghiệp khai thác, cung cấp nguyên liệu sản xuất gạch, ngói tận dụng vùng đất bãi sông, đồi gò, các loại phế thải xây dựng.

Nghiêm cấm sử dụng đất sản xuất nông nghiệp, đất trong phạm vi di tích lịch sử, danh

lam thắng cảnh đã được xếp hạng, đất nằm trong phạm vi bảo vệ hành lang các công trình giao thông, cầu, cống, thủy lợi, đê kè, vùng phân lũ, thoát lũ, chậm lũ, đường điện cao thế, đất an ninh quốc phòng vào sản xuất gạch, ngói; các hộ gia đình, cá nhân tự ý sản xuất gạch ngói nung trái quy định bằng nguồn nguyên liệu tận dụng từ đất đào ao, đất hạ cốt ruộng, vườn; UBND các xã, phường, thị trấn ký kết các hợp đồng với các tổ chức, cá nhân để sản xuất gạch, ngói nung; đầu tư mới sản xuất gạch, ngói đất sét nung sau năm 2016.

Tổ chức, cá nhân trong quá trình đầu tư, sản xuất gạch ngói nung có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ về hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật; đảm bảo chất lượng sản phẩm theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng (QCVN 16:2011/BXD) ban hành kèm theo Thông tư số 11/2011/TT-BXD ngày 30/8/2011 của Bộ Xây dựng và các quy định có liên quan khác; tuân thủ quy định của pháp luật về trật tự, an ninh, an toàn xã hội, bảo vệ đất canh tác, bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo vệ di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh; tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, có giải pháp bảo đảm môi sinh, môi trường, lập và thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường theo quy định. Trong quá trình hoạt động, nếu bụi, khói lò gây thiệt hại đến lợi ích của người sản xuất, trồng trọt, đời sống của nhân dân ở xung quanh thì phải ngừng sản xuất, hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và đền bù theo thỏa thuận với người thiệt hại. Trường hợp không thỏa thuận được phải căn cứ theo kết quả đánh giá thiệt hại của cơ quan chức năng có thẩm quyền để đền bù. Việc tổ chức tiêu thụ sản phẩm phải đảm bảo các điều kiện theo quy định của Nghị định số 124/2007/NĐ-CP ngày 31/7/2007 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng, phải phù hợp với Quy hoạch các địa điểm được phép kinh doanh vật liệu xây dựng

có điều kiện trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định 123/2009/QĐ-UBND ngày 22/12/2009 của UBND thành phố Hà Nội và các quy định khác có liên quan.

Ngoài ra, Quy định này còn phân rõ trách nhiệm của các cấp, các ngành trong quản lý

đầu tư sản xuất gạch, ngói nung.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại www.hanoi.gov.vn)

Quyết định số 929/2013/QĐ-UBND tỉnh Quảng Ninh ban hành Quy định cấp Giấy phép xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

Ngày 11/4/2013, UBND tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định số 929/2013/QĐ-UBND ban hành Quy định cấp Giấy phép xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Theo Quy định này, trước khi khởi công xây dựng nhà ở riêng lẻ hoặc công trình trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, chủ đầu tư phải có Giấy phép xây dựng, trừ các trường hợp xây dựng công trình thuộc bí mật nhà nước, công trình theo lệnh khẩn cấp, công trình tạm phục vụ thi công xây dựng công trình chính và các công trình khác theo quy định của Chính phủ được miễn giấy phép xây dựng; công trình xây dựng theo tuyến không đi qua đô thị nhưng phù hợp với quy hoạch xây dựng đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng được Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch UBND các cấp quyết định đầu tư; công trình sửa chữa, cải tạo, lắp đặt thiết bị bên trong công trình không làm thay đổi kiến trúc các mặt ngoài, kết cấu chịu lực, công năng sử dụng và an toàn của công trình; công trình hạ tầng kỹ thuật chỉ yêu cầu phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật và nhà ở riêng lẻ tại vùng sâu, vùng xa thuộc khu vực chưa có quy hoạch điểm dân cư nông thôn được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Đối với công trình theo tuyến, công trình cấp I, cấp đặc biệt, nếu chủ đầu tư có nhu cầu thì có thể đề nghị để được xem xét cấp Giấy phép

xây dựng theo giai đoạn. Đối với công trình không theo tuyến, chỉ được cấp Giấy phép xây dựng tối đa 02 giai đoạn, bao gồm giai đoạn xây dựng phần móng và tầng hầm (nếu có) và giai đoạn xây dựng phần thân công trình. Đối với dự án gồm nhiều công trình, chủ đầu tư có thể đề nghị để được xem xét cấp Giấy phép xây dựng cho một, nhiều hoặc tất cả các công trình thuộc dự án.

Khi cấp Giấy phép xây dựng cho chủ đầu tư, cơ quan cấp Giấy phép xây dựng đóng dấu vào các bản vẽ thiết kế kiến trúc, bao gồm mặt bằng, các mặt đứng, mặt cắt chủ yếu của công trình, mặt bằng, mặt cắt móng công trình. Các bản vẽ thiết kế kiến trúc được cơ quan cấp Giấy phép xây dựng đóng dấu là bộ phận không tách rời giấy phép xây dựng được cấp. Cơ quan cấp Giấy phép xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép xây dựng, kiểm tra hồ sơ, ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định. Cơ quan cấp Giấy phép xây dựng có trách nhiệm theo dõi, trả kết quả hoặc thông báo cho chủ đầu tư về hồ sơ chưa đủ điều kiện để cấp Giấy phép xây dựng. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, đơn vị được giao thẩm định hồ sơ có trách nhiệm xem xét hồ sơ, kiểm tra thực địa. Khi xem xét hồ sơ, cơ quan cấp Giấy phép xây

dụng phải xác định các tài liệu còn thiếu, các tài liệu không đúng theo quy định hoặc không đúng với thực tế để thông báo một lần bằng văn bản cho chủ đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Trường hợp hồ sơ bổ sung chưa đáp ứng được yêu cầu theo văn bản thông báo của cơ quan cấp Giấy phép xây dựng thì cơ quan cấp Giấy phép xây dựng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hướng dẫn cho chủ đầu tư tiếp tục hoàn thiện hồ sơ. Chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo văn bản thông báo. Sau hai lần bổ sung, hồ sơ vẫn không đáp ứng được các điều kiện theo quy định thì cơ quan cấp Giấy phép xây dựng có quyền không xem xét việc cấp Giấy phép và thông báo cho chủ đầu tư biết.

Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp Giấy phép xây dựng phải xem xét hồ sơ để cấp Giấy phép xây dựng công trình trong thời gian quy định: Đối với trường hợp cấp giấy phép xây dựng mới, bao gồm cả giấy phép xây dựng tạm thời, giấy phép xây dựng điều chỉnh, giấy phép di dời, thời gian không quá 20 ngày làm việc đối với công trình, 15 ngày làm việc đối với nhà ở riêng lẻ tại đô thị, 10 ngày làm việc đối với nhà ở nông thôn; đối với trường hợp cấp lại hoặc gia hạn giấy phép xây dựng, không quá 10 ngày làm việc. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện để cấp phép trong thời hạn nêu trên, cơ quan cấp Giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do cho chủ đầu tư biết. Nếu quá thời hạn ghi trong giấy biên nhận mà cơ quan cấp Giấy phép xây dựng không trả lời thì chủ đầu tư được phép xây dựng công trình theo hồ sơ thiết kế đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép xây dựng.

Theo Quy định này, các loại công trình và nhà ở riêng lẻ được cấp Giấy phép xây dựng khi đáp ứng các điều kiện chung sau: Phù hợp với quy hoạch xây dựng, mục đích sử dụng đất, mục tiêu đầu tư; tùy thuộc vào quy mô, tính chất, địa điểm xây dựng, công trình được cấp

Giấy phép xây dựng phải tuân thủ các quy định về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, đảm bảo an toàn công trình và công trình lân cận, cùng các yêu cầu về giới hạn tĩnh không, độ thông thủy, đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật, phòng cháy chữa cháy, hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đề điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa và đảm bảo khoảng cách đến các công trình dễ cháy, nổ, độc hại, các công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia; hồ sơ thiết kế xây dựng phải được tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định thực hiện, thiết kế phải được thẩm định, phê duyệt theo quy định. Đối với nhà ở riêng lẻ có tổng diện tích sàn nhỏ hơn 250 m², dưới 03 tầng và không nằm trong khu vực bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa thì chủ đầu tư được tổ chức thiết kế xây dựng và tự chịu trách nhiệm về an toàn của công trình và các công trình lân cận. Ngoài ra, công trình xây dựng và nhà ở riêng lẻ để được cấp Giấy phép xây dựng còn phải đáp ứng các điều kiện riêng. Đối với công trình và nhà ở riêng lẻ trong đô thị, phải phù hợp với Quy hoạch chi tiết xây dựng, quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị, thiết kế đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Các công trình xây dựng ở khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định nhưng chưa có quy hoạch chi tiết thì phải phù hợp với Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị hoặc thiết kế đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Công trình xây dựng dân dụng cấp đặc biệt, cấp I trong đô thị phải có thiết kế tầng hầm theo yêu cầu của đồ án quy hoạch đô thị và Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đối với công trình xây dựng ngoài đô thị, phải phù hợp với vị trí và tổng mặt bằng của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản (đối với công trình xây dựng không theo tuyến) và phải phù hợp với vị trí và phương án tuyến đã

được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản (đối với công trình xây dựng theo tuyến). Đối với nhà ở riêng lẻ tại nông thôn, phải phù hợp với quy hoạch điểm dân cư nông thôn được UBND cấp huyện phê duyệt.

Công trình được cấp Giấy phép xây dựng tạm thời khi đáp ứng các điều kiện: Nằm trong khu vực đã có quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch điểm dân cư nông thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt và công bố nhưng chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; phù hợp với mục đích sử dụng đất, mục tiêu đầu tư; đảm bảo an toàn công trình, công trình lân cận và các yêu cầu về môi trường, phòng cháy chữa cháy, hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đề điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa và đảm bảo khoảng cách đến các công trình dễ cháy, nổ, độc hại, các công trình quan trọng liên quan

đến an ninh quốc gia. Công trình nhà ở được cấp Giấy phép xây dựng tạm không được xây dựng tầng hầm, tầng nửa hầm, có số tầng tối đa không quá 01 tầng và chiều cao tối đa không quá 4,2 m, phải phù hợp với kiến trúc, cảnh quan trong khu vực và tuân thủ các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn quy hoạch, xây dựng, nên sử dụng kết cấu đơn giản và vật liệu nhẹ, dễ tháo dỡ.

Quy định này nêu rõ các tài liệu cần có trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép xây dựng đối với trường hợp xây dựng mới, xây dựng theo giai đoạn, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép xây dựng cho dự án, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép xây dựng đối với nhà ở riêng lẻ, đối với trường hợp sửa chữa, cải tạo, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép di dời công trình, giấy phép xây dựng tạm.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại www.quangninh.gov.vn)

Quyết định số 245/QĐ-UBND tỉnh Ninh Bình phê duyệt Quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Ninh Bình đến năm 2030

Ngày 09/4/2013, UBND tỉnh Ninh Bình ban hành Quyết định số 245/QĐ-UBND phê duyệt Quy hoạch quản lý chất thải rắn (CTR) tỉnh Ninh Bình đến năm 2030 với quan điểm: Quản lý tổng hợp CTR là một trong những ưu tiên của công tác bảo vệ môi trường, góp phần kiểm soát ô nhiễm, hướng tới phát triển đô thị bền vững; quản lý CTR phải lấy phòng ngừa, giảm thiểu phát sinh và phân loại chất thải tại nguồn là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu, tăng cường tái sử dụng, tái chế để giảm khối lượng chất thải phải chôn lấp; quản lý tổng hợp CTR là trách nhiệm chung của toàn xã hội, trong đó Nhà nước có vai trò chủ đạo, đẩy mạnh xã hội hóa, huy động tối đa mọi nguồn lực và tăng cường đầu tư cho công tác quản lý CTR; quản lý CTR không khép

kin theo địa giới hành chính, đảm bảo sự tối ưu về kinh tế, kỹ thuật, sự an toàn về xã hội và môi trường, và phải gắn với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Bình; quản lý CTR phải tuân thủ theo nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền”.

Theo Quy hoạch này, tầm nhìn chiến lược là phấn đấu đến năm 2030, tất cả các loại CTR phát sinh đều được thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý triệt để bằng những công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường và phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh Ninh Bình, hạn chế khối lượng CTR phải chôn lấp đến mức thấp nhất. Mục tiêu chung của Quy hoạch là xây dựng được các phương thức phân loại CTR tại nguồn và xác định lộ trình triển khai thực hiện phân loại

CTR tại nguồn cho mỗi loại hình chất thải, đảm bảo phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; quy hoạch hệ thống thu gom, vận chuyển CTR cho các đô thị, khu công nghiệp (KCN) và điểm dân cư nông thôn, trong đó xác định được các phương thức thu gom và vị trí các trạm trung chuyển CTR liên đô thị; phân bố hợp lý các khu xử lý CTR trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, đảm bảo phục vụ các đô thị, KCN và các điểm dân cư nông thôn, đồng thời lựa chọn công nghệ thích hợp để xử lý, tái chế các loại CTR thông thường, CTR nguy hại nhằm đảm bảo xử lý triệt để CTR, hạn chế chôn lấp, đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường; đề xuất hệ thống quản lý, cơ chế chính sách nhằm đẩy mạnh hiệu quả quản lý nhà nước, nâng cao chất lượng thu gom, vận chuyển và xử lý CTR của thành phố; đề xuất kế hoạch, lộ trình và xác định nguồn lực thực hiện quy hoạch quản lý CTR tỉnh Ninh Bình đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 nhằm đạt được những mục tiêu bảo vệ môi trường của tỉnh.

Cụ thể, đến năm 2020, 90% tổng lượng CTR sinh hoạt đô thị phát sinh được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường, trong đó 85% được tái chế, tái sử dụng, thu hồi năng lượng hoặc sản xuất phân hữu cơ; 80% các đô thị có chương trình tái chế CTR thực hiện phân loại tại hộ gia đình; 90% tổng lượng CTR công nghiệp không nguy hại và nguy hại phát sinh được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường; 100% lượng CTR y tế không nguy hại và nguy hại phát sinh tại các cơ sở y tế, bệnh viện được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường; 70% lượng CTR phát sinh tại các điểm dân cư nông thôn và 80% tại các làng nghề được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường. Đến năm 2030, 100% các đô thị có chương trình tái chế CTR thực hiện phân loại tại hộ gia đình; 100% tổng lượng CTR sinh hoạt đô thị phát sinh được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường, trong đó 90% được tái chế, tái sử dụng, thu hồi năng lượng hoặc sản xuất phân hữu cơ; 100% tổng lượng CTR công nghiệp

không nguy hại và nguy hại phát sinh được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường; 90% lượng CTR phát sinh tại các điểm dân cư nông thôn và 100% tại các làng nghề được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường.

Quy hoạch dự báo các nguồn phát thải và thành phần, tính chất, tổng khối lượng CTR thông thường và nguy hại đến năm 2030. Tỷ lệ thu gom sẽ được nâng dần lên theo các năm, đến năm 2020 đạt 50% và đến 2030 mục tiêu thu gom CTR xây dựng phải đạt được 100%. Cùng với quy mô và xu thế phát triển của các cơ sở y tế, trong những năm sắp tới, tổng lượng CTR y tế phát sinh trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ngày càng tăng. Theo dự báo, đến năm 2020, tổng lượng CTR y tế phát sinh trên toàn tỉnh là 9,2 tấn/ngày, đến năm 2030 là 10,4 tấn/ngày, trong đó, lượng CTR phát sinh lớn nhất tại Ninh Bình, nơi tập trung chủ yếu các bệnh viện có quy mô lớn. Tại các huyện, lượng CTR y tế phát sinh ít và dự báo đến năm 2030 khối lượng CTR y tế tăng không nhiều do quy mô giường bệnh tại một số bệnh viện ít thay đổi.

Hiện tại, trên địa bàn tỉnh chưa áp dụng phân loại CTR tại nguồn. Việc áp dụng phân loại CTR sinh hoạt tại nguồn cho các đô thị trên địa bàn tỉnh thực hiện các cơ sở sau: Lộ trình phân loại CTR tại nguồn phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội của mỗi đô thị; hệ thống cơ chế chính sách phù hợp; trang bị đầy đủ hệ thống thiết bị lưu chứa, thu gom, vận chuyển CTR sau phân loại phù hợp. Việc tái chế, tái sử dụng CTR sẽ góp phần làm giảm 80 - 90% tổng lượng CTR thu gom tập trung. Tỷ lệ và thành phần CTR: tỷ lệ thành phần CTR có khả năng tái chế (giấy, nhựa, thủy tinh, vỏ hộp...) tại các đô thị trong tỉnh là 10 - 20%; tỷ lệ CTR hữu cơ trên 60%. Với tỷ lệ thành phần CTR như trên tạo thuận lợi cho việc ngăn ngừa, tái chế, tái sử dụng chất thải, hạn chế lượng CTR cần chôn lấp. Tỷ lệ CTR hữu cơ cao thuận lợi cho sản xuất phân vi sinh sử dụng trong sản xuất nông, lâm nghiệp. Thành phần CTR có khả năng tái

chế cao sẽ làm giảm đáng kể lượng CTR cần chôn lấp.

Quy hoạch đến năm 2030, toàn tỉnh có 19 đô thị, trong đó có 1 đô thị loại I, 1 đô thị loại II, 2 đô thị loại IV và 15 đô thị loại V. Việc thu gom vận chuyển CTR sinh hoạt cho các đô thị trên địa bàn tỉnh thực hiện theo 2 phương án: hệ thống vận chuyển trực tiếp áp dụng cho các đô thị loại 4, 5 và các điểm dân cư nông thôn có lượng CTR sinh hoạt phát sinh nhỏ. Hệ thống vận chuyển này sử dụng các phương tiện thu gom cỡ nhỏ, CTR phát sinh từ các khu vực sẽ thu gom trực tiếp bằng các phương tiện này và vận chuyển thẳng đến địa điểm đổ thải cuối cùng. Hệ thống vận chuyển trung chuyển thường áp dụng cho các đô thị lớn với lượng CTR phát sinh nhiều. Hệ thống vận chuyển này sử dụng nhiều loại phương tiện thu gom, phương tiện thu gom cỡ nhỏ thu gom chất thải tại các khu vực và vận chuyển đến trạm trung chuyển, rồi được chuyển vào các công-ten-nơ và được vận chuyển đến địa điểm đổ thải cuối cùng bằng xe tải cỡ lớn.

Nguyên tắc lựa chọn công nghệ xử lý CTR sinh hoạt, căn cứ vào khối lượng, thành phần, tính chất CTR; ưu tiên lựa chọn các công nghệ tái chế, thu hồi chất thải tạo ra nguyên liệu và năng lượng, các công nghệ hạn chế chôn lấp, tiết kiệm quỹ đất xây dựng; hạn chế và xử lý triệt để các yếu tố gây ô nhiễm môi trường; lựa chọn các công nghệ đã được áp dụng hiệu quả trong thực tiễn, được cấp giấy phép hoạt động; đảm bảo hiệu quả kinh tế và khả thi về kỹ thuật. Khi lựa chọn công nghệ xử lý CTR cần phải đánh giá sự phù hợp của công nghệ đó với các tiêu chí, gồm 4 nhóm tiêu chí cơ bản sau: Sự thích hợp với điều kiện thực tế của địa phương (khối lượng, thành phần, tính chất CTR, điều kiện tự nhiên, tài chính, đặc điểm kinh tế - xã hội và trình độ khoa học kỹ thuật, nhu cầu của thị trường tiêu thụ sản phẩm...); Mức độ và hiệu quả giải quyết nhiệm vụ vệ sinh môi trường của công nghệ (dựa theo tiêu chí môi trường và

đánh giá nhanh tác động môi trường); Ý nghĩa thiết thực của việc lựa chọn công nghệ xử lý trong nền kinh tế quốc dân và riêng của địa phương, bao gồm vốn đầu tư ban đầu, chi phí vận hành, bảo dưỡng, hiệu quả và thời gian hoàn vốn của công trình xử lý; các tiêu chí kỹ thuật của công nghệ xử lý bao gồm số lượng việc làm được tạo ra, mức tiêu thụ năng lượng điện, nước, thời gian xây dựng và hoạt động, công suất xử lý ở mức cao nhất và trung bình, nhân công và mức độ cơ giới hóa sản xuất.

Tổng lượng CTR sinh hoạt phát sinh trong toàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2013 - 2020 là 982 tấn/ngày và giai đoạn 2020 - 2030 là 1.426 tấn/ngày. Nếu huy động hết công suất nhà máy chế biến phân vi sinh thì xử lý được 20 - 25% lượng CTR phát sinh trên phạm vi toàn tỉnh đến năm 2020, do đó, đến năm 2020 thì 80% lượng CTR vẫn phải chôn lấp. Sau giai đoạn 2020, giảm tỉ lệ chôn lấp xuống 20% lượng CTR thu gom. Nhu cầu quỹ đất cho xử lý CTR sinh hoạt của tỉnh Ninh Bình đến năm 2030 khoảng 84 ha (quy mô khu xử lý đã tính toán toàn bộ diện tích dành cho chôn lấp, chế biến phân vi sinh, khu xử lý nước rác, đường giao thông, nhà điều hành và diện tích cây xanh cách ly).

Quy hoạch đã đề ra một số giải pháp thực hiện quy hoạch quản lý CTR, bao gồm: Tổ chức rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh về CTR; tiếp tục đổi mới, sắp xếp lại doanh nghiệp, cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích trong lĩnh vực thu gom, vận chuyển và xử lý CTR; đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích các doanh nghiệp, cá nhân tham gia hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý CTR, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng với các đơn vị khác theo cơ chế hợp đồng cung cấp dịch vụ hoặc đấu thầu thực hiện sản phẩm dịch vụ công ích theo quy định của pháp luật; ưu tiên phân bổ hợp lý nguồn vốn ngân sách, vốn ODA hoặc các nguồn vay dài hạn với lãi suất hợp lý cho các đô thị để đầu tư trang thiết bị và xây dựng

các khu xử lý CTR; kết hợp mô hình do nhà nước quản lý - công ty môi trường đô thị thực hiện và mô hình do doanh nghiệp thực hiện; tăng cường việc huy động các nguồn vốn đầu tư, xây dựng chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển lĩnh vực thu gom, vận chuyển, xử lý CTR, mở rộng các hình thức liên doanh, liên kết nhiều thành phần kinh tế cùng tham gia góp vốn, khuyến khích các doanh nghiệp môi trường đô thị sử dụng vốn tự có, vốn tín dụng để đầu tư đổi mới công nghệ thiết bị, tăng cường thu hút vốn đầu tư nước ngoài để đầu tư vào lĩnh vực thu

gom, vận chuyển, xử lý CTR; áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến, đổi mới công nghệ, lựa chọn công nghệ phù hợp với việc thu gom, vận chuyển, xử lý CTR; tăng cường công tác đào tạo nguồn nhân lực cho lĩnh vực thu gom, vận chuyển, xử lý CTR, chú trọng đào tạo cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật lành nghề bằng nhiều hình thức thích hợp.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại www.ninhbinh.gov.vn)

Hội thảo về công trình xanh

Ngày 16/4/2013, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng Việt Nam và Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Việt Nam đã phối hợp tổ chức Hội thảo về công trình xanh. Tham dự Hội thảo có đại diện các Bộ, ngành của Việt Nam, các tổ chức quốc tế, các chuyên gia trong nước và nước ngoài trong lĩnh vực tư vấn thiết kế, kiến trúc, xây dựng, môi trường. Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng và Đại sứ Hoa Kỳ David Shear đã đến dự và có các bài phát biểu chào mừng Hội thảo.

Phát biểu tại Hội thảo, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng đánh giá cao sự chuẩn bị chu đáo của các bên đối với Hội thảo, đã thu hút được sự tham gia của đông đảo các nhà quản lý, các chuyên gia, các nhà khoa học, kỹ sư, kiến trúc sư, chuyên gia tư vấn và các nhà thầu xây dựng của Việt Nam và Hoa Kỳ, để cùng thảo luận, trao đổi về các vấn đề liên quan đến công trình xanh, một chủ đề mang tính thời sự trong bối cảnh phát triển kinh tế xã hội, nỗ lực bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững của Việt Nam và thế giới.

Theo Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng, Việt Nam hiện đang trong quá trình đô thị hóa nhanh chóng, cả nước có 765 đô thị với dân số đô thị chiếm 32,45% dân số toàn quốc và mỗi năm có thêm khoảng 1 triệu người trở thành cư dân đô thị. Theo dự báo đến năm 2025, dân số đô thị ở Việt Nam khoảng 52 triệu người, chiếm 50% dân số cả nước. Do vậy, nhu cầu về xây dựng sẽ gia tăng nhanh chóng ở khu vực đô thị, cùng với đó là việc gia tăng sử dụng nhiên liệu hóa thạch và gia tăng lượng rác thải ra môi trường. Theo số liệu của các công trình nghiên cứu, các tòa nhà hiện đang chịu trách nhiệm khoảng 30 - 40% năng lượng sử dụng, 19% lượng nước sạch tiêu thụ, 29% lượng gỗ khai thác, 40 - 50% nhiên liệu thô được sử dụng... Chính vì vậy, việc xây dựng các công trình hiệu quả năng lượng, giảm thiểu và tái chế rác thải, sử dụng hiệu quả nguyên vật liệu và nâng cao hiệu quả quản lý



Các đại biểu dự Hội thảo

và vận hành hoạt động của các tòa nhà là giải pháp đúng đắn để giảm áp lực khai thác tài nguyên tự nhiên, giảm năng lượng tiêu thụ, giảm áp lực lên hệ thống điện, giao thông, xử lý chất thải và các chất gây ô nhiễm môi trường, đồng thời đảm bảo môi trường sống đô thị lành mạnh, gắn gũi với thiên nhiên.

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng cũng bày tỏ hy vọng, thông qua Hội thảo này, các nhà quản lý, nhà nghiên cứu, chuyên gia tư vấn và các nhà xây dựng của ngành Xây dựng tại Việt Nam và Mỹ sẽ cùng nhau trao đổi về thực tiễn xây dựng các công trình xanh tại Việt Nam và chia sẻ bài học kinh nghiệm cũng như các giải pháp để giúp Việt Nam nhanh chóng tiếp cận các phương pháp, công nghệ tiên tiến của Hoa Kỳ trong việc thiết kế, xây dựng, và quản lý vận hành các công trình xanh, tạo lập một môi trường xây dựng bền vững cho các khu vực đô thị ở Việt Nam trong tương lai.

Trong bài tham luận mở đầu Hội thảo, ông Trần Đình Thái - Phó Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường (Bộ Xây dựng) đã nhấn mạnh, trong những năm gần đây, biến đổi khí hậu đã trở thành chủ đề của nhiều diễn đàn và hội nghị thượng đỉnh toàn cầu, khu vực và quốc gia. Hội nghị thượng đỉnh thế giới về môi trường và phát triển bền vững và Hội nghị thượng đỉnh thế giới Rio+10 đã xác định phát triển bền vững là quá trình phát triển có sự kết

hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa 3 mặt của sự phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường.

Cùng với xu hướng phát triển của thế giới, Việt Nam đã xây dựng và ban hành nhiều văn bản nhằm thực hiện các nội dung về phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng. Các chương trình mục tiêu quốc gia về tiết kiệm năng lượng, ứng phó với biến đổi khí hậu, chiến lược tăng trưởng xanh, chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu, chiến lược phát triển bền vững giai đoạn 2011 - 2020 đã được ban hành với quan điểm, mục tiêu xuyên suốt là giảm thiểu tác động tiêu cực của hoạt động phát triển kinh tế đến môi trường; khai thác và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên; sử dụng tiết kiệm và hiệu quả các nguồn lực; phòng ngừa, kiểm soát và khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường...

Theo thống kê, mức tiêu thụ năng lượng trong lĩnh vực xây dựng ở Việt Nam chiếm từ 22,4% (2003) và 30% (ước tính cho năm 2012) tổng mức tiêu thụ năng lượng quốc gia. Qua nghiên cứu của Bộ Xây dựng, đối với các công trình mới, nếu áp dụng đồng bộ các giải pháp thiết kế kiến trúc, sử dụng vật liệu tiết kiệm năng lượng, lắp đặt và vận hành các trang thiết bị có hiệu suất năng lượng cao, có cán bộ quản lý năng lượng đủ trình độ thì có thể tiết kiệm năng lượng khoảng 30 - 40%. Đối với các công trình đang hoạt động, nếu tiến hành kiểm toán năng lượng và sau đó triển khai áp dụng các giải pháp tiết kiệm năng lượng thì cũng có thể tiết kiệm năng lượng từ 15 - 25%. Việc thiết kế các công trình xây dựng mới thành các công trình xanh, đặc biệt là cao ốc xanh, sẽ là một động thái tích cực của con người trong ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm lượng khí nhà kính. Để thúc đẩy phát triển công trình xanh và sử dụng năng lượng hiệu quả trong công trình xây dựng, Bộ Xây dựng chủ trương tập trung hoàn thiện Chiến lược và Kế hoạch hành động về phát triển công trình xanh, tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức và



Ông David Hathaway trình bày tham luận tại Hội thảo

ý thức trách nhiệm của các cơ quan quản lý các cấp, các chủ đầu tư và cộng đồng về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong các tòa nhà và hướng tới xây dựng công trình xanh; hoàn thiện tiêu chí đánh giá và xây dựng quy trình xét duyệt, cấp chứng chỉ công trình xanh; xây dựng hoàn thiện quy chuẩn, tiêu chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật về công trình xanh; triển khai thí điểm ứng dụng các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong các tòa nhà tại một số đô thị lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng...; tổ chức điều tra, khảo sát, kiểm toán năng lượng, xây dựng chế độ báo cáo sử dụng năng lượng đối với các tòa nhà theo quy định của Luật và các văn bản hướng dẫn; xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu về sử dụng năng lượng trong các công trình xây dựng trọng điểm.

Chia sẻ những kinh nghiệm và chính sách sử dụng hiệu quả năng lượng và công trình xanh của Hoa Kỳ, ông David Hathaway - Giám đốc Chương trình phát triển sạch của USAID đã giới thiệu về cấu trúc cơ bản của môi trường chính sách sử dụng hiệu quả năng lượng và công trình xanh ở Hoa Kỳ, các ví dụ về sự thành công trong cách tiếp cận sử dụng năng lượng hiệu quả và công trình xanh, cũng như các bài học được rút ra.

Chương trình Energy Star là một chương trình quốc tế của Chính phủ Hoa Kỳ khuyến khích khách hàng sử dụng các sản phẩm tiêu

dùng có tính năng tiết kiệm năng lượng. Chương trình được Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ (EPA) thành lập năm 1992 như một phần trong nỗ lực tiết kiệm năng lượng và cắt giảm bức xạ khí hiệu ứng nhà kính. Đây là một chương trình mang tính tham gia tự nguyện, cung cấp chứng nhận hiệu quả năng lượng và các công cụ, thông tin để giảm thiểu sử dụng năng lượng. Bốn lĩnh vực trọng tâm của Chương trình Energy Star gồm: thương hiệu sản phẩm, khu dân cư, khu thương mại và công cộng, công nghiệp và nhà máy sản xuất.

LEED là hệ thống tiêu chuẩn quốc tế về kiến trúc xanh, được công nhận và thẩm định cho những công trình kiến trúc, cung cấp cho bên thứ ba và chứng nhận rằng một tòa nhà hoặc một sở hữu công cộng được thiết kế và xây dựng dựa theo những tiêu chuẩn hướng đến việc cải thiện hiệu suất, kết hợp với các tiêu chuẩn về tiết kiệm năng lượng, hiệu quả thoát nước, giảm lượng khí thải CO₂, nâng cao chất lượng môi trường sống, nâng cao khả năng quản lý nguồn tài nguyên và khả năng linh hoạt của công trình trong việc thích ứng với thay đổi.

Được phát triển bởi US.Green Building Council (USGBC), LEED cung cấp cho các chủ sở hữu, cũng như các nhà quản lý một cơ sở vững chắc trong việc xác định và thực hiện các giải pháp “kiến trúc xanh” đạt tiêu chuẩn và khả thi như thiết kế, thi công, vận hành, bảo hành. LEED là một tiêu chuẩn rất thuyết phục bởi sự linh hoạt vì nó dễ dàng áp dụng cho tất cả các loại công trình - từ công trình thương mại cho đến dân cư. Nó hoạt động trong suốt quy trình xây dựng - thiết kế và xây dựng, vận hành và bảo hành, trang bị cho con người những đổi mới đáng kể. Và LEED mở rộng các lợi ích của mình vượt khỏi những lĩnh vực xây dựng đặc thù, lạc hậu vào những lĩnh vực có liên quan trong quá trình phát triển.

Hệ thống chấm điểm công trình đạt chuẩn về hiệu suất năng lượng (Benchmark) của Hoa Kỳ là một nền tảng tốt cho việc thúc đẩy sử

dụng hiệu quả năng lượng trong những công trình hiện tại và là một phần của hệ thống chứng nhận Công trình xanh.

Theo ông Yannick Millet - Giám đốc điều hành Hội đồng Công trình xanh Việt Nam (VGBC), tiềm năng tiết kiệm năng lượng thông qua giải pháp xây dựng công trình xanh của Việt Nam là rất lớn. Tuy nhiên, những rào cản đối với việc phát triển công trình xanh ở Việt Nam hiện nay cần được quan tâm tháo gỡ, đó là: Sự thiếu kỹ năng và hạn chế về năng lực của các bên liên quan, thiếu các quy định của pháp luật về xây dựng công trình xanh, nhận thức chưa đúng về chi phí xây dựng công trình xanh, thiếu sự điều phối của các ban, ngành liên quan, chi phí năng lượng được trợ cấp cao, khủng hoảng thị trường tài chính và bất động sản... Qua Hội thảo này VGBC cũng kiến nghị Chính phủ Việt Nam cần có những giải pháp cụ thể để kêu gọi sự tham gia của mọi thành phần nhằm xây dựng các quy định cần thiết và lộ trình phù hợp cho phát triển công trình xanh, củng cố và thi hành luật pháp, thúc đẩy và quảng bá hệ thống đánh giá công trình xanh LOTUS cho Việt Nam. Bên cạnh đó, Chính phủ cũng cần đi tiên phong trong phát triển công trình xanh, xây dựng chính sách khuyến khích khu vực tư nhân, đưa công trình xanh vào giáo trình giảng dạy tại các trường đại học.

Hội thảo diễn ra trong cả ngày với nhiều bài tham luận rất giá trị của các chuyên gia trong nước và nước ngoài đến từ Hội Kiến trúc sư Việt Nam, Tổng Công ty tư vấn Xây dựng Việt Nam, Trung tâm Tiết kiệm Năng lượng thành phố Hồ Chí Minh, Tập đoàn phần mềm IBM, Công ty tư vấn HOK, Công ty Tài chính quốc tế IFC, Công ty Turner Int'l LLC... trong các lĩnh vực tư vấn thiết kế kiến trúc, công nghệ, thiết bị năng lượng, thi công xây lắp, công nghệ vận hành tòa nhà thông minh.

Minh Tuấn

Hội nghị thẩm định Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng Khu Du lịch thác Bản Giốc

Ngày 24/4/2013, tại trụ sở cơ quan Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn đã chủ trì Hội nghị thẩm định Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng Khu Du lịch thác Bản Giốc (tỉnh Cao Bằng). Tham dự Hội nghị có đại diện Văn phòng Chính phủ, các Bộ, Ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Tại Hội nghị, Viện Kiến trúc, Quy hoạch đô thị và nông thôn (VIAP), đơn vị tư vấn lập Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng Khu Du lịch thác Bản Giốc (gọi tắt là Nhiệm vụ), đã báo cáo Hội đồng thẩm định về các nội dung của dự thảo Nhiệm vụ. Theo nghiên cứu của VIAP, thác Bản Giốc nằm ở vị trí giáp đường biên giới quốc gia với Trung Quốc, có cảnh quan thiên nhiên đặc biệt có giá trị và là một trong những địa danh du lịch hấp dẫn của tỉnh Cao Bằng. Tuy vậy, hiện tại cơ sở hạ tầng và dịch vụ du lịch hầu như chưa được đầu tư, các tuyến đường kết nối với khu vực thác Bản Giốc chưa được quan tâm đầu tư đúng mức. Việc lập Quy hoạch xây dựng Khu Du lịch thác Bản Giốc sẽ là tiền đề cho việc khai thác những tiềm năng và thế mạnh về du lịch vốn có của địa phương, góp phần thúc đẩy sự phát triển của ngành Du lịch nói riêng và kinh tế - xã hội của tỉnh Cao Bằng nói chung. Căn cứ pháp lý cho việc lập Quy hoạch bao gồm: Luật Biên giới quốc gia năm 2003, Hiệp định về quy chế quản lý biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc năm 2009, Kết luận số 26-KL/TW ngày 2/8/2012 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 1/7/2004 của Bộ Chính trị khóa IX nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội tỉnh và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2020, và một số văn bản liên quan khác.

Trên cơ sở nghiên cứu xem xét Khu Du lịch thác Bản Giốc trong các mối quan hệ vùng về các điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, hạ tầng



Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn phát biểu kết luận cuộc họp

kỹ thuật, đặc biệt xét đến vai trò là khu du lịch trọng điểm Quốc gia, là điểm đến quan trọng trong hành trình du lịch Cao Bằng - Bắc Kạn - Thái Nguyên và các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ, dự thảo Nhiệm vụ đưa ra các yêu cầu đề xuất những định hướng không gian phù hợp với phạm vi quy hoạch xấp xỉ 1000 ha theo Quyết định số 134/2007/QĐ-TTg ngày 17/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển khu du lịch Thác Bản Giốc, phân tích và đánh giá hiện trạng, dự báo phát triển về tính chất khu du lịch (là khu du lịch đa dạng chất lượng cao với các sản phẩm du lịch gắn kết với các loại hình tham quan thắng cảnh, thể thao mạo hiểm, vui chơi giải trí; là khu dịch vụ du lịch, phát triển dân cư và các tổ chức dân sinh làng bản, văn hóa đặc sắc của các nhóm dân tộc Tày, Nùng...), dự báo quy mô dân số, quy mô đất đai và quy mô khách du lịch. Ngoài ra, Nhiệm vụ còn yêu cầu lập Quy hoạch chi tiết khu vực trung tâm Khu Du lịch tỷ lệ 1:500 với quy mô khoảng 200 ha.

Góp ý cho Nhiệm vụ, các thành viên của Hội đồng thẩm định đề nghị VIAP bổ sung thêm nội dung trong đánh giá hiện trạng như tình hình thủy văn khu vực sông Quây Sơn mùa lũ cao điểm, tình hình xói lở bờ sông về cả hai phía Việt Nam và Trung Quốc, đánh giá nguồn nước cung cấp cho khu du lịch và khu chức

năng, vị trí nhà máy thủy điện Bản Giạ được xác định trong đồ án quy hoạch...

Phát biểu tại Hội nghị, ông Trần Hùng - Phó Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng đồng tình với quan điểm của đơn vị tư vấn là việc lập Quy hoạch Khu Du lịch thác Bản Giốc có ý nghĩa quan trọng để bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia, bảo vệ những giá trị lịch sử và văn hóa của địa phương; đồng thời cũng nhất trí với các nội dung của Nhiệm vụ về mặt chuyên môn.

Tổng hợp các ý kiến đóng góp của các thành viên Hội đồng, Chủ tịch Hội đồng thẩm định, Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn, đã đề nghị VIAP phối hợp với UBND tỉnh Cao Bằng xác định chính xác ranh giới phạm vi quy hoạch; đẩy nhanh tiến độ thực hiện; chú trọng vấn đề nguồn lực đầu tư, xác định nguồn lực cho hạ

tầng và những công trình khác. Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn đề nghị đưa nhà máy thủy điện Bản Giạ vào ranh giới quy hoạch, vì có thể nghiên cứu khai thác tốt công trình về mặt du lịch, đồng thời đề nghị UBND tỉnh Cao Bằng chú trọng vấn đề biên giới và chủ quyền đường biên, thường xuyên cập nhật thông tin báo cáo về Bộ Xây dựng, để Bộ kết hợp với Bộ Ngoại giao có hướng giải quyết kịp thời.

Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn yêu cầu đơn vị tư vấn VIAP phối hợp với UBND tỉnh Cao Bằng hoàn thành dự thảo Tờ trình phê duyệt Nhiệm vụ trong tháng 5/2013, để Bộ Xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Lệ Minh

Nhà thông minh - triển vọng phát triển

Những thành tựu khoa học kỹ thuật hiện nay đã cho phép xây những ngôi nhà thông minh. Các yếu tố cơ bản của hệ thống điều khiển tự động trong một ngôi nhà thông minh chính là những bộ cảm biến, hệ thống xử lý thông tin truyền từ các bộ cảm biến và thiết bị điều khiển.

Nhiệm vụ của các bộ cảm biến là thu nhận thông tin về các chỉ số quan sát được. Ví dụ: trong trường hợp điều hòa nhiệt độ trong phòng, các bộ cảm biến có thể đóng vai trò của nhiệt kế điện tử. Các chỉ số theo những kênh liên lạc khác nhau (kênh radio, Wi-Fi...) được truyền tới hệ thống xử lý thông tin (tức là “bộ não điện tử” - đầu mối phân tích các chỉ số nhiệt độ, tốc độ thay đổi nhiệt độ...) Theo các kết quả phân tích, “bộ não” sẽ truyền lệnh tới những đơn vị tương ứng, ví dụ thiết bị sưởi. Bởi vì nhà thông minh có thể tự điều hòa không chỉ nhiệt độ, mà cả độ ẩm không khí, việc chiếu sáng căn phòng, tiêu thụ nước... Trong mỗi tiểu hệ thống như vậy đều có thể có “bộ não điện tử” riêng, Ví dụ, việc cuốn rèm trên các cửa sổ có ảnh hưởng nhất định tới nhiệt độ trong phòng.

Kết nối hai tiểu hệ thống khác biệt như vậy có thể là một bài toán nan giải.

Do đó, các nhà xây dựng thường thiết kế nhà thông minh với một “bộ não trung tâm” có thể xử lý các chỉ số truyền về từ nhiều bộ cảm biến, có thể phân tích chúng và thông qua biện pháp giải quyết tối ưu. Nhược điểm việc tập trung hóa là nếu “bộ não trung tâm” gặp sự cố thì cả hệ thống điều khiển của nhà thông minh sẽ rối loạn. Để tránh điều này, có thể áp dụng hệ thống kép, song giá thành ngôi nhà khi đó sẽ bị đội lên rất nhiều, và toàn bộ hệ thống cũng trở nên phức tạp hơn. Xây nhà thông minh là một công việc phức tạp, đòi hỏi yếu tố khoa học kỹ thuật rất cao cũng như chi phí đầu tư rất lớn. Chính vì thế, trong nhiều trường hợp, nhà thông minh được xây dựng theo từng phần riêng biệt - bắt đầu từ hệ thống điều khiển điện gia dụng trong nhà; tiếp tới là các hệ thống điều khiển thiết bị sưởi, điều khiển chiếu sáng...

Thông thường, trong nhà đã có một hệ thống bảo vệ an ninh (chống trộm cắp...). Nhà thông minh không sử dụng hệ thống này. Điều

này đặc biệt thuận tiện, bởi vì các hệ thống bảo vệ an ninh thường có các bộ cảm biến giống hết các bộ cảm biến trong hệ thống điều khiển của nhà thông minh.

Như vậy, một trong những yếu tố then chốt của nhà thông minh là các bộ cảm biến. Xu hướng cơ bản hiện nay là bố trí các thiết bị này tại những vị trí khác nhau trong căn nhà. Các chuyên gia máy tính mới đây đã nhận được bằng phát minh cho sàn nhà cảm ứng, nhờ đó có thể xác định kích thước và trọng lượng của những người sống trong ngôi nhà. Hệ thống này cũng cho phép các thiết bị trong nhà kiêm thêm nhiều chức năng mới. Trong nhiều trường hợp, hệ thống ứng dụng thông tin của sàn cảm ứng có khả năng phân biệt người quen với người lạ. Nếu đột ngột phát hiện ra người nằm trên sàn, trong trường hợp khẩn thiết hệ thống sẽ phát tín hiệu gọi cấp cứu.

Yếu tố quan trọng tiếp theo để triển khai hệ thống xử lý thông tin truyền từ các bộ cảm biến là ứng dụng rộng rãi thiết bị quay phim (thường được sử dụng trong các hệ thống an ninh). Việc này được tạo điều kiện khi công suất tính toán của các “bộ não điện tử” gia tăng, và các phép toán xử lý được hoàn thiện.

Năng lực tính toán không ngừng được nâng cao của các “bộ não điện tử” cho phép các cơ quan này giải được những bài toán đa dạng, bao gồm cả việc nhận biết hình ảnh (khuôn mặt của từng thành viên sống trong nhà). Một trong những điều kiện quan trọng nhất trong chức năng điều khiển của các “bộ não điện tử” là bảo đảm chương trình được các bộ não ứng dụng. Tuy nhiên, sự thay đổi từ nhà sản xuất này sang nhà sản xuất khác dẫn tới sự thiếu đồng bộ, và đưa tới những khó khăn khi kết nối các tiểu hệ thống khác nhau trong một ngôi nhà thông minh. Microsoft - Tập đoàn nổi tiếng thế giới đã chỉ ra rằng: đại đa số người sử dụng điện thoại thông minh khi không ở trong nhà sẽ không thể xem video từ camera an ninh của mình.

Để cải thiện tính đồng bộ của những tiểu hệ

thống khác nhau trong cùng một ngôi nhà, đồng thời nâng cao sự thuận tiện khi sử dụng, Microsoft nghiên cứu hệ thống điều khiển mới dành cho các ngôi nhà thông minh - HomeOS. Hệ thống này sẽ đảm bảo việc điều hành các tiểu hệ thống cũng như các thiết bị khác nhau một cách tập trung; và việc điều hành được lập trình để đạt thuận lợi tối đa.

Liệu Microsoft có thành công trong việc xây dựng hệ thống này như thành công với hệ điều hành Windows hay không? Câu trả lời ở thì tương lai. Còn hiện tại, nhiều nhà sản xuất đang cố gắng hướng tới một điều gì đó của riêng mình. Hãng Panasonic đã lập hệ thống SMARTHEMS - cho phép tối ưu nhu cầu tiêu thụ năng lượng.

Công nghệ internet trong vài năm gần đây đã được ứng dụng rộng rãi nhằm kết nối các thiết bị khác nhau trong một ngôi nhà thông minh - thường có sự hỗ trợ của việc kết nối mạng không dây. Các chuyên gia Đức đã thực hiện kết nối không dây thành công để điều khiển các ổ cắm điện nhờ ứng dụng phiên bản mới IPv6. Việc cung cấp điện tới các thiết bị gia dụng được nối với các ổ cắm này có thể điều khiển từ xa bằng điện thoại thông minh hay máy tính bảng.

Điện thoại thông minh phát triển rộng khắp trong những năm gần đây đã khiến nó trở thành một trong những thiết bị kiểm soát và điều khiển nhà thông minh phổ biến nhất. Con người có thể điều hành mọi hoạt động của ngôi nhà mà không cần rời khỏi vị trí nào đó trong nhà, thậm chí khi đang ở xa mà không cần mang theo thiết bị phụ trợ nào khác.

Tuy nhiên, bài toán chung cho tất cả các hệ thống điều khiển từ xa là độ tin cậy và độ an toàn của hệ thống liên lạc. Điều này đặc biệt quan trọng đối với các hệ thống liên lạc có sử dụng kênh radio. Kẻ trộm có thể nghe lén các cuộc liên lạc; trong trường hợp ngoại lệ có thể phá mã khóa để xâm nhập vào hệ thống điều khiển nhà thông minh.

Yếu tố con người vẫn có ý nghĩa quan trọng, cho dù khoa học kỹ thuật ngày càng tiến xa. Bởi vì các công nghệ cao ra đời chỉ hướng tới mục tiêu duy nhất - thỏa mãn nhu cầu của con người, và quan trọng là các nhu cầu này hướng tới phúc lợi cho con người thụ hưởng.

Một trong những nhân tố thúc đẩy nhà thông minh phát triển mạnh tại các nước tiên tiến là dân số già đi nhanh chóng. Nhiệm vụ đặt ra cho các quốc gia này là bảo đảm điều kiện sinh hoạt hợp lý cho người có tuổi; và nhà thông minh là một giải pháp đúng đắn.

Các nhà khoa học đang tích cực nghiên cứu các mặt khác nhau của đời sống con người - đặc biệt là người có tuổi - trong nhà thông minh. Hệ thống nào ưu việt nhất đối với họ? Bởi rất nhiều người gặp khó khăn khi điều khiển ngôi nhà bằng điện thoại thông minh. Cần có những phương án khác, chẳng hạn ứng dụng robot. Đây là công nghệ hoàn toàn mới mẻ, song không phải không có mặt trái. Cuối năm 2012, các nhà nghiên cứu thuộc Đại học Bách khoa Georgia (Mỹ) đã có một nghiên cứu thú vị. Họ chiếu video về khả năng của robot cho một số

người có tuổi xem, sau đó hỏi những khán giả này xem mong muốn robot sẽ giúp đỡ làm các công việc trong nhà như thế nào. Câu trả lời thật bất ngờ, song không ngoài dự đoán: Ngoại trừ những việc đơn giản, những người được hỏi đều tỏ ra thích được "người thật" giúp đỡ hơn, bởi công nghệ robot hiện nay chưa thể đưa ra những thiết bị có khả năng giải quyết những nhiệm vụ phức tạp.

Tại các nước EU, một dự án đang được triển khai - robot giúp việc cho người có tuổi, có tên Hector. Tập đoàn CompanionAble đang có kế hoạch đưa Hector vào hệ thống điều khiển nhà thông minh với bộ điều khiển từ xa. Việc thử nghiệm loại robot mới này đang đi vào giai đoạn kết thúc tại Bỉ và Hà Lan. Trong tương lai không xa, trong các ngôi nhà thông minh sẽ xuất hiện thêm những "người giúp việc thông minh" cho con người.

O.Andrey

Nguồn: Báo Xây dựng Nga số 1 (1/1/2013)

ND: Lê Minh

Kiến trúc và tính tiện nghi cần thiết của môi trường sống đối với con người

Những tiến bộ của khoa học kỹ thuật trong thế kỷ XX là tiền đề cho một loạt phát minh đảm bảo tính tiện nghi trong các tòa nhà. Đó là thang máy và những đường dẫn lên xuống khác, hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống thông gió - điều hòa không khí cơ học, các thiết bị sưởi, đường ống nước, các thiết bị thông tin liên lạc với thế giới bên ngoài như TV, đài phát thanh, điện thoại, internet, điện tin... Tuy vậy, tất cả những tiện ích đó đều nhờ vào các thiết bị trong tòa nhà, với những thông số xây dựng cơ bản vẫn được tính toán cho một người đàn ông "chuẩn". Đó chính là hệ tư tưởng của ngành kiến trúc trong một xã hội nam quyền. Các tiêu chuẩn và quy phạm xây dựng của Nga (SNiP)

được xây dựng từ thời Liên Xô trước đây cũng giữ nguyên các tiêu chí dành cho người đàn ông "chuẩn" này.

Tại Nga, các tiêu chuẩn xây dựng hiện hành đối với các tòa nhà được nghiên cứu chủ yếu vào những năm 80 của thế kỷ XX, và được tính toán - đương nhiên - cho con người của thời kỳ đó, chính xác hơn là cho những người đàn ông thời kỳ đó. Các số liệu từ những năm 90 cho thấy: Trong 220 triệu người sinh sống trên toàn lãnh thổ SNG (Cộng đồng các Quốc gia độc lập), có gần 50 triệu người trong độ tuổi hưu trí; xấp xỉ 7 triệu người khuyết tật và còn khoảng 20 triệu người khuyết tật nữa, nhưng không có chúng nhận về tình trạng bệnh tật của mình.

Những người này đã chiếm gần 1/3 số dân; và nếu 2/3 kia là những công dân hoàn toàn khỏe mạnh chưa tới tuổi nghỉ hưu, được chia ra các nhóm đàn ông, phụ nữ và trẻ em, thì đàn ông chiếm chưa tới 1/5 dân số. Như vậy có thể thấy một điều: Các quy tắc đảm bảo tính tiện nghi được nghiên cứu dành cho thiểu số, trong khi thiểu số lại là những người khỏe hơn số đông còn lại, nếu nói về thể chất. Đây là điều không công bằng, song tồn tại trong xã hội hiện đại trên toàn thế giới.

Khái niệm "tiện nghi" được áp dụng để phân cấp chất lượng các công trình xây dựng khác nhau, trước hết là trong việc đánh giá chất lượng công trình ở, cũng như trong thiết kế các cao ốc văn phòng và các tòa nhà có chức năng khác. Một số nhà lý luận nghiêng về việc đồng nhất sự tiện nghi và an toàn. Về một mặt nào đó, họ đã đúng, nhưng chỉ một phần. Luật Liên bang số 384-F3 "Quy định kỹ thuật về an toàn trong các tòa nhà và các công trình" ngày 30/12/2009 đã quy định những yêu cầu bắt buộc đối với các tòa nhà và các công trình: Yêu cầu về an toàn cơ học (độ bền vững, độ tin cậy); an toàn cháy; an toàn trong các tình huống thiên tai tiềm ẩn nguy cơ hoặc trước các tác động do con người gây ra; mức độ tiện nghi của tòa nhà hay công trình đối với người khuyết tật... Dựa vào các thông số quy định trong các yêu cầu, có thể xác định mức độ an toàn tiêu chuẩn của tòa nhà/công trình - điều mà những đánh giá về mức độ tiện nghi của tòa nhà/công trình đó không thể thể hiện.

Khái niệm "tiện nghi" được sử dụng trong rất nhiều văn bản tiêu chuẩn khác nhau, với nhiều nghĩa khác nhau. Những năm gần đây, khái niệm "tính tiện nghi được nâng cao" đã xuất hiện. Trong các văn bản, khái niệm này được thể hiện với ý nghĩa khác nhau. Ví dụ, trong MGSN3.01-01 "Nhà ở", hai tiêu chí (tiêu chí I và tiêu chí II) đánh giá tính tiện nghi khác nhau cơ bản ở việc quy định diện tích các phòng trong một căn hộ; ngoài ra quy định thiết kế kệ bếp

và khu vệ sinh được nói lỏng hơn. Còn trong các văn bản do Ủy ban kỹ thuật TK209 biên soạn "Thang máy, thang cuốn và các đường lên xuống khác" - để công nhận tính tiện nghi được nâng cao, việc rút ngắn thời gian chờ thang máy bị bãi bỏ. Ở một số văn bản khác, "tiện nghi" đồng nghĩa với "sự thuận tiện", hoặc là sự tổng hợp các điều kiện bổ sung về trang thiết bị, trang trí nội thất, các thông số của môi trường đạt trên mức tối thiểu cần thiết đối với nhu cầu của con người.

Khái niệm về tính tiện nghi cần được xem xét trong tổng thể các tính chất của môi trường sống, bao gồm các đặc điểm tâm lý - thể chất của con người, cũng như các nhu cầu bắt nguồn từ hoạt động sống của con người, mấu chốt là sự tiện nghi cần thiết để bảo vệ sức khỏe con người (được xác định bởi điều kiện vệ sinh dịch tễ của môi trường). Các tiêu chuẩn bảo đảm tính tiện nghi cần thiết một phần quy định mức tối ưu (nhiệt độ và độ ẩm không khí trong các phòng, mức chiếu sáng nơi làm việc); một phần quy định mức cho phép (gió lùa, thành phần tạp chất độc hại của không khí trong phòng, khí gas hoặc bụi, mức tiếng ồn).

Tính tiện nghi của môi trường sống được bảo đảm bằng hệ thống các văn bản tiêu chuẩn quy định việc thi công xây dựng trên lãnh thổ Liên bang Nga. Rất nhiều quy chuẩn xây dựng nhằm bảo đảm mức tiện nghi cần thiết, trong đó có SNIIP "Sưởi ấm, thông gió và thông khí", SNIIP "Bảo vệ tránh tiếng ồn", SNIIP "Chiếu sáng tự nhiên và chiếu sáng nhân tạo"... đã được biên soạn trên cơ sở các tiêu chuẩn vệ sinh đặt ra nhằm trung hòa các tác nhân có hại của môi trường cho sức khỏe con người. Trong các quy chuẩn này, những yêu cầu về mặt vệ sinh dịch tễ đối với điều kiện sống, sinh hoạt trong những tòa nhà công cộng; đối với điều kiện lao động tại các nhà máy xí nghiệp... được đặt ra. Những tác động không tốt, dưới các hình thức khác nhau mà người sống trong các căn hộ hay tại khu vực lao động có thể hứng chịu

(nhiệt độ, độ ẩm không khí trong phòng; mức chiếu sáng các phòng ở và phòng cộng đồng; chiếu sáng khu vực lao động; thành phần không khí trong phòng làm việc hay tại khu vực lao động...) cũng được quy định.

Ngoài các yêu cầu vệ sinh trong các tiêu chuẩn và quy chuẩn xây dựng, kích thước của những chi tiết xây dựng (các bậc cầu thang; chiều cao tường bao che; chiều cao lắp đặt các ổ cắm điện, các thiết bị vệ sinh, tay nắm cửa...) cũng được quy định sao cho phù hợp với số liệu về mặt nhân chủng học. Những chỉ số tiêu chuẩn này được lập lại qua tất cả các lần bổ sung sửa đổi SNiP, bởi vì các thông số về một con người hầu như không thay đổi trong vòng vài chục năm. Song, dù đã dựa trên những số liệu "chuẩn" như vậy, những sự cố nhỏ vẫn xảy ra, mà nguyên nhân thường do các chi tiết xây dựng trong tòa nhà không phù hợp với sinh hoạt của phụ nữ và người cao tuổi. Tại những nơi sản xuất có lao động nữ, đa số các công cụ và thiết bị sản xuất vẫn được thiết kế theo những thông số của người đàn ông.

Như vậy, một trong những nhiệm vụ của ngành kiến trúc hiện đại chính là thiết lập môi trường sống với những mức tiện nghi phù hợp với từng thành viên trong xã hội loài người - không phân biệt về thể chất - để mỗi thành viên đều có thể tồn tại một cách độc lập trong môi trường đó.

Bảo đảm tính tiện nghi sống trong các công trình để ở

Mức tiện nghi cần thiết trong các nhà ở được quy định rõ tại những văn bản tiêu chuẩn cơ bản: SNiP "Nhà chung cư", SNiP "Nhà ở một căn hộ", bộ quy chuẩn "Các giải pháp hình khối kiến trúc của nhà chung cư". Trong bộ quy chuẩn, lần đầu tiên các thuật ngữ "tiện nghi sống" và "tiện nghi sống được nâng cao" đã được đưa vào.

Cho tới thời điểm trước năm 2000, những nỗ lực chuẩn hóa tính tiện nghi - bắt nguồn từ nhu cầu của những nhóm người khác nhau trong xã

hội - đã được áp dụng, nhưng không thành công. Việc chia cư dân ra thành 4 - 5 tầng lớp xã hội - từ "nghèo" đến "rất giàu" không tránh khỏi việc đưa ra những yêu cầu thiếu cơ sở, thiếu thuyết phục. Hạ thấp yêu cầu đối với chất lượng không khí trong các căn phòng, cũng như mức vệ sinh của nước sinh hoạt trong những căn hộ "nghèo" là hoàn toàn mâu thuẫn với Luật Vệ sinh dịch tễ của Liên bang Nga (số 52-F3 ngày 30/3/1999). Hơn nữa, sao lại phải chuẩn hóa các phòng trong căn hộ của "người rất giàu" khi mà tùy theo sở thích cá nhân, những căn hộ của các đối tượng này đã không còn chịu sự chi phối của các tiêu chuẩn?

Trong tiêu chuẩn của Moskva MGSN "Nhà ở" được ban hành năm 2001, mức tiện nghi của nơi ở được nâng cao có liên quan tới việc tăng diện tích các căn phòng trong một căn hộ. Mặc dù theo số liệu phân tích, trong năm 2010, các căn hộ 2 phòng chiếm tới 69% khối lượng nhà xây mới được bán ra. Đồng thời, khách hàng rất thận trọng cân nhắc xem chủ đầu tư giới thiệu cho họ sản phẩm chất lượng thế nào. Những chi tiết, yếu tố thừa thãi khó mong sự chấp nhận của người mua. Tiếp theo, khách hàng cũng rất chú trọng tới chất lượng hệ thống liên lạc kỹ thuật, phí khai thác... Tỷ lệ nhà thương mại và nhà ở mức tiết kiệm đã có sự chênh lệch. Sự gia tăng thị phần nhà ở mức tiết kiệm được Bộ Phát triển vùng Liên bang Nga khẳng định qua kết quả ngành Xây dựng Nga đạt được trong năm 2010. Kết luận về vấn đề: Diện tích một căn hộ không phải là tiêu chí chính để đánh giá tính tiện nghi của nhà ở được đúc kết trong bối cảnh như vậy.

Tính tiện nghi cần thiết cho sức khỏe con người được quy định bởi các điều kiện vệ sinh dịch tễ của môi trường sống. Để thực hiện các yêu cầu bảo đảm tính tiện nghi cần thiết đối với sức khỏe người dân sống trong các tòa nhà, trong các SNiP nêu ra trên đây, các chương mục đặc biệt "Bảo đảm yêu cầu về mặt vệ sinh dịch tễ", trong đó có những quy tắc cụ thể quy

định thông số của không khí trong phòng, mức độ sạch của không khí, sự phân bố đồng đều... đều được xem xét. Khác với quy chuẩn xây dựng của nhiều nước khác, tại Nga, không chỉ các chỉ số chiếu sáng tự nhiên và chiếu sáng nhân tạo trong các căn phòng khác nhau mà ngay cả tính liên tục được phơi sáng đều được quy định thành tiêu chuẩn: Trong các căn hộ 1 - 2 hay 3 phòng cần có không ít hơn một phòng ở được chiếu sáng tự nhiên; và trong các căn hộ có từ 4 phòng trở lên - không ít hơn 2 phòng được chiếu sáng. Ánh sáng tự nhiên cũng cần bắt buộc trong cả phòng bếp.

Tính cách âm của các kết cấu vách ngăn bên trong và bên ngoài của các phòng ở cần bảo đảm giảm được cường độ âm thanh từ các nguồn gây ồn bên ngoài, cũng như từ tiếng ồn va đập và tiếng ồn của hệ thống thiết bị kỹ thuật, các đường ống dẫn bên trong tòa nhà. Khi bố trí các tòa nhà ở tại khu vực có mức tiếng ồn cao từ các phương tiện giao thông, việc giảm tiếng ồn trong nhà có thể được thực hiện thông qua việc áp dụng các biện pháp chống ồn đặc biệt, và (hoặc) ứng dụng các thiết bị kỹ thuật chống ồn (trong đó có sử dụng kết cấu bao che ngoài; sử dụng các chất liệu cách âm cho các ô cửa sổ). Để tránh tiếng ồn quá mức tiêu chuẩn, cũng như sự xâm nhập của hơi gas, các tầng để ở và các tầng bố trí lớp học mẫu giáo, cơ sở khám chữa bệnh... cần được tách riêng bởi tầng kỹ thuật.

Về vấn đề cung cấp nước sinh hoạt cho tòa nhà, chỉ đối với những nhà 1 - 2 tầng trong những khu vực không có mạng kỹ thuật tập trung thì mới được phép dùng nguồn riêng cung cấp nước từ các mạch nước ngầm hoặc bể chứa ngầm. Để loại trừ nước bẩn, một hệ thống kênh dẫn được thiết kế. Để giảm sự thâm nhập của chất phóng xạ từ đất, các nhà thiết kế đang nghiên cứu phương án bít kín trần ngăn giữa tầng hầm và tầng một của tòa nhà.

Sự tiện nghi về mặt lao động (công thái học) trong các công trình để ở

Các thông số đảm bảo sự tiện nghi về mặt lao động được quy định chủ yếu ở mức tối thiểu. Kích thước dài rộng của các phòng ở được quy định tùy thuộc vào đồ gỗ và những tiện nghi cần thiết được sắp đặt có tính tới yêu cầu lao động. Điều này cũng được quy định bởi diện tích tối thiểu các căn phòng. Trong những căn hộ thuộc quỹ nhà ở quốc gia và quỹ nhà ở công cộng, diện tích các phòng được quy định rõ: Diện tích phòng sinh hoạt chung trong căn hộ một phòng; phòng sinh hoạt chung trong căn hộ có từ 2 phòng trở lên; phòng ngủ; bếp; khu vực nấu bếp trong phòng ăn - nhà bếp; kệ bếp trong căn hộ một phòng. Chiều cao (từ sàn đến trần nhà) của các phòng ở và bếp (phòng ăn - bếp) tại các khu và tiểu khu có khí hậu khác nhau cũng được quy định. Các thông số tối thiểu do công thái học quy định. Trong những tòa nhà có tính tiện nghi nâng cao, thành phần từng phòng và các thông số của chúng có thể thay đổi theo yêu cầu của phía đặt hàng; song không được thu nhỏ, bởi khi đó các quy tắc của công thái học có thể bị phá vỡ.

Công thái học cũng định ra một loạt quy tắc giúp bảo đảm đồng thời cả sự tiện nghi và tính an toàn của tòa nhà. Các quy tắc này loại trừ nguy cơ xảy ra sự cố, thương vong cho cư dân trong quá trình sinh sống bên trong và ở gần tòa nhà; khi ra khỏi và vào trong tòa nhà, cũng như khi sử dụng các yếu tố và thiết bị kỹ thuật của tòa nhà. Độ dốc và chiều rộng, chiều cao các bậc thang; diện tích chiếu nghỉ; chiều cao lối đi trong cầu thang, trong tầng hầm; cũng như kích thước khung cửa ra vào cần bảo đảm sự thuận tiện và an toàn cho việc di chuyển của người và đồ vật. Chiều cao tường bao che cầu thang bên ngoài, chiều cao ban công, mái hiên... và tại những khu vực có khả năng rơi, đổ nguy hiểm không được phép cao quá mức tải trọng của một người đàn ông cao lớn - tức là không dưới 1,2 m. Tường bao che cần được tính toán cho việc tiếp nhận các tải trọng nằm ngang. Câu hỏi ở đây là: Vì sao tường bao che

của mái cần đạt chiều cao 1,2 m; trong khi tiêu chuẩn chống cháy chỉ yêu cầu 0,6 m? Đây là vấn đề không phải đối với lính cứu hỏa, mà là đối với những người làm vệ sinh dọn tuyết và rác đọng trên mái nhà.

Trong các tòa nhà, một bộ phận cư dân - cho dù rất nhỏ - cần tính tới, đó là người khuyết tật. Do đó, SNiP quy định sự cần thiết bảo đảm điều kiện sinh hoạt cho nhóm cư dân ít cơ động (những người kèm xe đẩy trẻ em; người khuyết tật và người có tuổi sử dụng ghế - xe lăn). Những yêu cầu cụ thể nhằm bảo đảm sinh hoạt cho nhóm cư dân này, có tính tới điều kiện khu vực, được quy định trong SNiP "Tính hợp lý của các tòa nhà và công trình đối với nhóm cư dân ít cơ động". Một trong những yếu tố quan trọng bảo đảm sự tiện nghi cần thiết cho nhóm người này là thang máy. SNiP quy định số thang máy tối thiểu: 01 thang máy - trong các tòa nhà có từ 6 - 9 tầng; khi số tầng lớn hơn 9 cần có ít nhất 02 thang máy. Khi số tầng bằng hoặc lớn hơn 20, cần có ít nhất 3 thang máy (tùy thuộc vào số lượng người sống trong cùng một tầng, thời gian đợi thang máy... con số thang máy có thể rút xuống 2). Trong tất cả các trường hợp, kích thước cabin của mỗi thang máy cần đảm bảo việc vận chuyển bệnh nhân trên cáng cấp cứu.

Bảo đảm sự tiện nghi sinh hoạt trong thiết kế các trụ sở, tòa nhà văn phòng

Một vị trí lao động hợp lý, thuận lợi về khả năng đi lại, kể cả đi bộ (tạo điều kiện về tổ chức lao động cho những đối tượng ít cơ động) là yêu cầu số một khi nói tới sự tiện nghi của môi trường sinh hoạt. Một đô thị mà người dân ở đó không có chỗ lao động thích hợp thì không phải là một đô thị theo đúng nghĩa của nó. Và bảo đảm sự tiện nghi trong môi trường lao động - bao gồm tiện nghi cần thiết đảm bảo sức khỏe người lao động tại nơi làm việc - luôn là một vấn đề bức thiết của một đô thị hiện đại.

Trong xã hội hiện nay, các tiêu chuẩn đảm bảo mức tiện nghi cần thiết cho một người lao động có các chỉ số trung bình về mặt sức khỏe,

lứa tuổi và tình trạng thể chất chưa được quan tâm. Đôi khi, các đặc điểm của nữ giới, người vị thành niên, người khuyết tật được đề cập tới; song trong trường hợp đó, các biện pháp về mặt tổ chức lại thiên về tính cấm đoán, và hạn chế không gian lao động của các đối tượng này. Tại Nga, người lao động tại các nhà máy, xí nghiệp sản xuất vẫn được coi là dễ thích nghi hơn so với những người làm công việc hành chính. Có thể lấy quy tắc sử dụng thang máy làm ví dụ. Tại các phân xưởng, thang máy được phép hoạt động từ độ cao 15 m (tương đương tòa nhà 6 tầng); còn trong các cơ quan hành chính - từ độ cao tương đương tòa nhà 3 tầng. Tức là, nhà nước chưa dành một giải pháp nào về kiến trúc - xây dựng cho đối tượng là người lao động sản xuất trực tiếp.

Phần lớn thời gian trong ngày của người lao động diễn ra tại nơi làm việc, do vậy tại vị trí lao động cũng cần có đầy đủ tiện nghi của môi trường sinh hoạt. Hơn nữa, điều kiện lao động, tính chất công việc còn có thể có những tác động tiêu cực tới sức khỏe con người; nhất là người tham gia sản xuất. Chính vì thế, các tiêu chuẩn xây dựng cần được thiết kế không phải dành cho một lao động nam trẻ và khỏe mạnh, mà là cho một con người bình thường - tức là cần tính tới những thay đổi về thể chất theo lứa tuổi, các hệ quả bệnh nghề nghiệp phổ biến (cần có định hướng dành cho đối tượng trong độ tuổi lao động nhưng lớn hơn 45 tuổi).

Theo nhận xét của nhiều nhà nghiên cứu: Những yếu tố gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới người trong độ tuổi lao động sung sức chính là sự không hài lòng với điều kiện lao động (căng thẳng về thể chất do thường xuyên nâng vật nặng; đi bộ quá xa; do tình trạng lao động phải đứng, làm việc trên cao, làm việc cạnh băng chuyền sản xuất, làm ca đêm...), và các yếu tố sản xuất độc hại (bụi, độ ẩm không khí, hơi độc, nhiệt độ không khí $>22^{\circ}\text{C}$ hoặc $<13^{\circ}\text{C}$, tiếng ồn $>70\text{dB}$, gió lùa...). Hầu hết những yếu tố liệt kê trên đây đều phụ thuộc vào các kỹ sư xây dựng,

các nhà thiết kế, các kiến trúc sư. Chẳng hạn, các thông số về tiểu khí hậu tại nơi làm việc (khu vực lao động) như độ ẩm tăng cao, gió lùa, nhiệt độ hạ, hoặc thường xuyên ở mức cao/thấp tùy thuộc không chỉ vào các đặc điểm quy trình công nghệ, mà còn vào chất lượng làm việc của các chuyên gia về thiết bị sưởi và thông gió. Những tác động tiêu cực của tiếng ồn, rung chấn... có thể được ngăn chặn hay giảm thiểu nhờ các biện pháp xây dựng...

Có thể kết luận: Các quy tắc đảm bảo sự tiện nghi cần thiết đối với sức khỏe người lao động cần được nghiên cứu đối với các quy trình sản xuất khác nhau, nhằm phòng tránh các tác nhân dẫn tới những căn bệnh nghề nghiệp.

Những yếu tố xác định sự tiện nghi tại nơi làm việc bao gồm tính tiện lợi và an toàn của các thiết bị ở nơi làm bảo đảm tư thế cũng như hoạt động thuận lợi trong quá trình làm việc của người lao động; mức chiếu sáng tại nơi làm

việc... Cải thiện và nâng cao sự tiện nghi tại nơi làm việc là vấn đề cần quan tâm không chỉ của các kiến trúc sư mà còn của các nhà thiết kế và kỹ sư - những người chế tạo đồ gỗ văn phòng, thiết kế các thiết bị công nghệ và hệ thống chiếu sáng.

Quan tâm đúng mức tới việc thiết lập sự tiện nghi cần thiết tại nơi làm việc cho người lao động sẽ mang lại hiệu quả kinh tế và xã hội to lớn, bởi vì tỷ lệ người được tạo điều kiện lao động sẽ gia tăng; ngân sách nhà nước tiết kiệm được một khoản không nhỏ, và các nhà máy, xí nghiệp có thể tăng cường đội ngũ kỹ sư - công nhân lành nghề, thạo chuyên môn.

L.Victo rova

*Nguồn: Tạp chí Kiến trúc & Xây dựng Nga
tháng 2/2013*

ND: Lê Minh

Những vấn đề áp dụng Tiêu chuẩn châu Âu tại Liên bang Nga

Trong gần 20 năm qua LB Nga đã và đang giải quyết vấn đề thay thế hệ thống các tiêu chuẩn mà đã được soạn thảo dành cho phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa và được phát triển thành công trong điều kiện quyền sở hữu nhà nước đối với công cụ sản xuất và các công trình xây dựng cơ bản. Việc thay thế hình thức sở hữu trên bằng hình thức sở hữu tư nhân đòi hỏi sự thay đổi lớn trong hệ thống các tiêu chuẩn, định mức và điều đó dẫn đến sự ban hành nhiều luật mới của Liên bang trong đó đầu tiên phải kể đến Luật LB Nga số 183 “Về việc quản lý kỹ thuật”. Vấn đề trở nên nghiêm trọng hơn khi trong 8 năm qua Luật LB Nga số 183, Bộ luật Xây dựng đô thị LB Nga và các văn bản hướng dẫn kỹ thuật về an toàn nhà và công trình đã phải bổ sung, sửa đổi. Và cho đến nay trong cộng đồng các nhà xây dựng vẫn chưa đạt được sự hiểu biết đầy đủ về nhiều nội dung

nêu trong các văn bản nêu trên khiến việc áp dụng các văn bản đó một cách đầy đủ đang gặp nhiều trở ngại.

Các quốc gia thuộc Liên minh châu Âu (EU) đang xây dựng hệ thống các tiêu chuẩn quốc tế. Tiến trình xây dựng và kết nối vào hệ thống của 27 quốc gia thành viên EU đòi hỏi một khoảng thời gian xấp xỉ bốn thập kỷ cho việc soạn thảo và thỏa thuận. Thêm vào đó cho đến nay chưa một quốc gia thành viên nào chuyển hoàn toàn sang áp dụng hệ thống tiêu chuẩn châu Âu. Tuy nhiên tất cả các quốc gia thuộc EU đều hiểu rõ rằng chỉ các tiêu chuẩn quốc tế mới có khả năng bảo đảm việc thực hiện một cách đầy đủ nhất các hoạt động trao đổi thương mại nói chung và trong lĩnh vực xây dựng nói riêng. Vì vậy quyết định gần đây của LB Nga về việc áp dụng hệ thống tiêu chuẩn châu Âu đã nhận được sự đồng tình.

Việc các chuyên gia Nga tham dự các cuộc hội thảo do Viện Tiêu chuẩn Vương quốc Anh (BSI) và Hiệp hội công nghiệp xây dựng Phần Lan tổ chức vào tháng 9/2011 cho thấy: Trong quá trình áp dụng các tiêu chuẩn châu Âu, các quốc gia nêu trên cũng đang gặp phải những khó khăn tương tự như nước Nga.

Thêm vào đó thực trạng áp dụng ở LB Nga còn phức tạp hơn do LB Nga cần phải cùng với các quốc gia thuộc Cộng đồng kinh tế Á - Âu cùng nhau triển khai áp dụng hệ thống tiêu chuẩn châu Âu trong khi đó không một quốc gia nào thuộc Cộng đồng (như Nga, Belarus hay Kazakhstan) là thành viên của EU.

Kinh nghiệm từ Anh và Phần Lan cho thấy ngoài các vấn đề kỹ thuật nảy sinh từ sự chuyển đổi sang áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế thì quá trình đào tạo, tập huấn cũng có ý nghĩa quan trọng. Quá trình này đòi hỏi không ít kinh phí và thời gian để các chuyên gia của tương lai sau khi trải qua quá trình đào tạo, tập huấn có thể định hướng được trong hệ thống tiêu chuẩn rất mới mẻ này đối với họ.

Trường đại học Xây dựng quốc gia Moskva đã đạt được những bước tiến quan trọng trong việc triển khai các chương trình đào tạo trang bị cơ sở lý luận và thực tiễn về tiêu chuẩn châu Âu, phương pháp luận áp dụng tiêu chuẩn châu Âu trong công tác thiết kế dành cho các đối tượng tốt nghiệp đại học, cử nhân và chuyên gia. Ngoài ra sách giáo khoa về tiêu chuẩn châu Âu, các bài báo làm rõ các vấn đề cũng như biện pháp áp dụng trong thực tế cũng đã và đang được phát hành.

Trong gần 10 năm qua trong chương trình học tập môn học “Cơ sở tiêu chuẩn hóa xây dựng” dành cho sinh viên học sau đại học tại Khoa xây dựng đã giới thiệu nội dung về phân tích so sánh các tiêu chuẩn của Nga và quốc tế. Các môn học của chương trình học tập thường xuyên do các giảng viên của Trường đại học Xây dựng quốc gia Moskva tiến hành tại trường cũng như tại các trung tâm đào tạo khác, cũng

bao gồm các bài giảng về hệ thống các tiêu chuẩn châu Âu và các đặc trưng của việc áp dụng hệ thống này trong thực tế thiết kế.

Năm 2011 Trường đã xuất bản cuốn sách giáo khoa 700 trang bằng tiếng Nga với nhan đề “Giáo trình dành cho sinh viên các chuyên ngành xây dựng” trong đó giới thiệu các tiêu chuẩn xây dựng châu Âu do tổ chức BSI soạn thảo. Cuốn sách cung cấp đầy đủ và rõ ràng những khái niệm về đặc điểm và các phương pháp thiết kế dựa trên cơ sở bộ tiêu chuẩn châu Âu từ Eurocode 0 đến Eurocode 9.

Trong cơ cấu của các tổ chức khoa học và thiết kế, các chuyên gia của Trường đại học Xây dựng quốc gia Moskva tham gia biên tập phần nội dung kỹ thuật cho các tiêu chuẩn châu Âu, soạn thảo các phụ trương quốc gia cho các tiêu chuẩn đó, phát hành các tài liệu hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn châu Âu trong công tác thiết kế. Năm 2012 việc này tiếp tục được triển khai thực hiện thành công. Dưới sự chỉ đạo của Phó Hiệu trưởng công việc biên tập khoa học cho các tiêu chuẩn châu Âu đang có nhu cầu áp dụng cấp bách (như bê tông cốt thép, bê tông cốt sợi thép) cũng đã được triển khai.

Cán bộ của Trường đại học Xây dựng quốc gia Moskva với vai trò là cộng tác viên tại Trung tâm nghiên cứu khoa học và thiết kế thử nghiệm quốc gia về kết cấu xây dựng mang tên V.A. Kucherenko và Trung tâm nghiên cứu khoa học và thiết kế quốc gia về kết cấu xây dựng bằng kim loại mang tên Melnikov đã tích cực tham gia công tác biên tập khoa học các tiêu chuẩn châu Âu áp dụng cho thiết kế cầu, silo và bể chứa.

Thế nào là một tiêu chuẩn châu Âu đã được chuyển đổi phù hợp với điều kiện ở nước Nga? Đó là một tiêu chuẩn quốc gia LB Nga trong đó bao gồm phần dịch tiêu chuẩn châu Âu sang tiếng Nga và các phụ lục quốc gia kèm theo thể hiện được đặc trưng của công tác thiết kế xây dựng tại một quốc gia cụ thể.

Thậm chí khi bước đầu làm quen với các tiêu

chuẩn thiết kế kết cấu xây dựng nói chung và kết cấu bê tông cốt thép nói riêng có thể thấy nguyên tắc cơ bản của việc thiết kế là trạng thái giới hạn. Đây cũng là sự nhắc lại một phương pháp đã được đưa vào áp dụng trong thực tiễn thiết kế từ những năm 1955 ở Liên Xô và phương pháp này do tác giả N.S. Streleletsko và cộng sự đề xuất. Sau một vài thập niên, phương pháp này mới được công nhận tại Mỹ và các nước công nghiệp phát triển ở châu Âu.

Các đặc điểm của phương pháp trên được thể hiện trong tiêu chuẩn châu Âu số 2 (EC 2) như sau:

1. Sử dụng biểu đồ hình parabol thể hiện sức căng trong vùng nén vào thời điểm ngay trước khi diễn ra sự phá hủy, như đã biết chỉ đem lại một sự chuẩn xác nhỏ đối với khả năng chịu lực tính toán.

Ngay từ thập niên 1940, A.A. Gvozdiev và P.L. Pasternak đã chứng minh rằng sự thay thế biểu đồ dạng đường cong bằng biểu đồ dạng hình chữ nhật sẽ cho sai lệch về mômen giới hạn ở mức từ 2% đến 5%.

2. Tiêu chuẩn châu Âu số 2 (EC 2) sử dụng phương pháp tính theo trạng thái cân bằng giới hạn mà phương pháp này đã được A.A. Gvozdiev và A.P. Rzanitsoy đề xuất và sau đó được phát triển trong các công trình nghiên cứu của nhiều nhà khoa học Liên Xô khác. Đối với kết cấu bê tông cốt thép thì cả hai nguyên tắc nêu trên cho đến nay vẫn có ý nghĩa quyết định đối với tính đổi mới và chiều sâu của cách tiếp cận trong thiết kế kết cấu.

Cần phải nghiên cứu các phương pháp thiết kế mà trước đây còn chưa được áp dụng rộng rãi trên phạm vi nước Nga. Trong đó phải kể đến việc áp dụng phương pháp “Giằng và thanh giằng” (tương tự phương pháp tính dàn được áp dụng ở LB Nga) để tính toán các cấu kiện bê tông cốt thép và cụm kết cấu. Phương pháp tính toán gần đúng nêu trên được đề xuất và phát triển tại Đức vào cuối thế kỷ 19 hiện nay còn chưa được áp dụng rộng rãi tại Nga. Cuối thập

niên 1970 cách tiếp cận đó đã được đưa vào Tiêu chuẩn và quy phạm xây dựng Nga (SNiP) để giải quyết vấn đề tính khả năng chịu lực của dầm chìa của cột và được áp dụng thành công cho đến nay. Tiêu chuẩn châu Âu nêu rõ triển vọng sử dụng phương pháp đó trong các bài toán tính dầm và dầm - tường theo tiết diện nghiêng, tính cụm kết cấu dàn và cụm kết cấu khung. Ở Nga những vấn đề đó còn chưa được quan tâm đầy đủ.

Một vấn đề nghiêm túc khác mà hệ thống các tiêu chuẩn, định mức của LB Nga còn chưa quan tâm, đó là việc sử dụng hệ thống giằng chịu lực. Nếu các tiêu chuẩn và định mức của LB Nga khuyến nghị hạn chế sử dụng giằng thì các tiêu chuẩn châu Âu đối với khung nhà lại khuyến nghị sử dụng hệ thống giằng dọc và giằng ngang kèm theo không chỉ hướng dẫn vị trí đặt mà còn nêu ra kích thước các tiết diện của giằng. Nhiều sự cố đặc biệt đối với nhà khung đã có thể tránh được nếu các công trình đó sử dụng hệ thống giằng tin cậy. Các số liệu thống kê ít ỏi về các sự cố và thiệt hại đã không đủ sức thuyết phục so với số kinh phí tiết kiệm được. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy việc sử dụng hệ thống giằng hiệu quả thường cho phép tránh được không chỉ sự phá hủy tiến triển mà tránh được cả các sự cố nghiêm trọng do động đất, sụt đất castơ, trượt đất,... gây ra. Thực trạng trên đòi hỏi chính quyền liên bang và các địa phương cần ban hành quyết định về việc bắt buộc sử dụng rộng rãi hệ thống giằng trong các công trình xây dựng hiện có và các công trình đang được thiết kế.

Một đặc điểm rất khác biệt của bộ Tiêu chuẩn châu Âu là trong thiết kế cho phép sử dụng các kết quả thử nghiệm thu được từ việc thực hiện các phương pháp đã được tiêu chuẩn hóa. Trước hết, cần trang bị cho quá trình thi công xây dựng các máy và thiết bị kiểm tra, thử nghiệm mà đáp ứng được các yêu cầu đặt ra trong các tiêu chuẩn châu Âu; sau đó cần nắm vững phương pháp thực hiện các thí nghiệm đó

sao cho các thí nghiệm được Ủy ban Tiêu chuẩn hóa của châu Âu (SEN) công nhận.

Các sách giáo khoa (kể cả các chương trình máy tính) dành cho các nhà thiết kế và sinh viên cũng cần thiết được biên soạn. Các tài liệu đó giúp giảm nhẹ quy trình thiết kế và giảm kết quả sai lệch.

Trong thời gian tới cần nghiêm túc triển khai các công việc nhằm kết hợp một cách hài hòa các tiêu chuẩn của LB Nga với các tiêu chuẩn châu Âu. Sau đây là một ví dụ về tính dầm bê tông cốt thép theo tiết diện ngang. Theo đó khi giá trị của mômen tính toán không lớn (đến 600 KN.m) thì tiêu chuẩn thiết kế Nga SP 52-101-2003 cho kết quả tiết kiệm được nhiều cốt thép căng làm việc hơn là tiêu chuẩn châu Âu EC 2. Bắt đầu từ mômen có giá trị gần bằng 500 KN.m, theo EC 2 dầm trở nên dư cốt thép và cần lắp đặt cốt thép ở vùng nén. Còn theo tiêu chuẩn SP nêu trên thì cốt thép nén cần thiết lắp đặt bắt đầu từ giá trị mômen bằng gần 650 KN.m.

Bức tranh còn phức tạp hơn khi tính dầm theo tiết diện xiên. Điều này được thể hiện rõ ràng trên các biểu đồ thể hiện sự thay đổi của lượng cốt thép ngang được sử dụng trước sự thay đổi của lực tác dụng theo phương ngang

nếu tính theo tiêu chuẩn châu Âu 2 cũng như theo tiêu chuẩn LB Nga SP 52-101-2003. Tại các khu vực tải trọng khác nhau cả hai tiêu chuẩn đều cho các kết quả tiết kiệm được cốt thép nhưng khi bổ sung các giả thiết thì kết quả có thể là ngược lại.

Những ví dụ nêu trên cho thấy còn chưa đạt được sự thống nhất khi chuyển từ tiêu chuẩn của LB Nga sang tiêu chuẩn châu Âu Eurocode và đặt ra cho các cơ quan khoa học Nga và châu Âu sự cần thiết phải thực hiện các nghiên cứu nghiêm túc về vấn đề đó. Những ví dụ nêu trên khẳng định ý tưởng về sự cần thiết bảo đảm cho sự phát triển của lĩnh vực khoa học xây dựng Nga sao cho việc chuyển sang sử dụng các tiêu chuẩn xây dựng châu Âu sẽ không nảy sinh tình trạng giảm sút các hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực này ở LB Nga và sau này kết quả nghiên cứu của các tổ chức khoa học LB Nga sẽ được sử dụng cho việc ban hành các phiên bản sau của bộ tiêu chuẩn châu Âu.

A. A. Trugunov

Nguồn: Tạp chí Xây dựng công nghiệp và dân dụng Nga, số 7/2012

ND: Huỳnh Phước

Bộ Xây dựng tổ chức gặp mặt các thế hệ cán bộ lãnh đạo ngành Xây dựng nhân kỷ niệm 55 năm ngày truyền thống của Ngành (29/4/1958-29/4/2013)

Sáng ngày 24/4/2013 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức buổi gặp mặt các thế hệ cán bộ lãnh đạo ngành Xây dựng nhân dịp kỷ niệm 55 năm ngày truyền thống của Ngành. Tới dự buổi gặp mặt có Ủy viên Trung ương Đảng - Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng; các đồng chí nguyên là Bộ trưởng Bộ Xây dựng: Ngô Xuân Lộc, Nguyễn Mạnh Kiểm, Nguyễn Hồng Quân; các đồng chí lãnh đạo Bộ Xây dựng các thời kỳ; đại diện lãnh đạo UBND các tỉnh, thành phố và các Sở Xây dựng địa phương; lãnh đạo Công đoàn Xây dựng Việt Nam và các Anh hùng Lao động ngành Xây dựng; lãnh đạo các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Xây dựng; lãnh đạo các Hội, Hiệp hội chuyên ngành Xây dựng. Đồng chí Đỗ Mười - nguyên Tổng Bí thư, nguyên Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã gửi lẵng hoa chúc mừng.



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng phát biểu tại buổi gặp mặt

Phát biểu tại buổi gặp mặt truyền thống ngành Xây dựng, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng đã khái quát lại quá trình xây dựng và trưởng thành của ngành Xây dựng, trong đó nêu rõ, trải qua hơn nửa thế kỷ phấn đấu xây dựng và trưởng thành, ngành Xây dựng Việt Nam đã vượt qua nhiều khó khăn, thách thức và hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước và



Các thế hệ cán bộ lãnh đạo ngành Xây dựng chụp ảnh lưu niệm

Quốc hội giao cho Bộ Xây dựng nói riêng và ngành Xây dựng nói chung. Ngành Xây dựng đã thực sự trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn, có những đóng góp rất to lớn vào sự nghiệp đấu tranh của dân tộc để thống nhất đất nước, cũng như xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc ngày nay.

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng khẳng định, với sự đóng góp trí tuệ, công sức và cả xương máu của các thế hệ cán bộ lãnh đạo, công nhân viên chức, lao động ngành Xây dựng đã giúp cho ngành Xây dựng phát triển lớn mạnh, đóng góp quan trọng trong việc tạo lập cơ sở vật chất - kỹ thuật, hạ tầng kinh tế - xã hội cho sự phát triển đất nước, làm đổi thay bộ mặt đô thị và nông thôn theo hướng ngày càng văn minh, hiện đại. Thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng gửi lời cảm ơn các thế hệ lãnh đạo Bộ Xây dựng, cán bộ, công nhân viên chức, lao động ngành Xây dựng các thời kỳ đã tạo tiền đề và nền tảng quan trọng để ngành Xây dựng phát triển như ngày hôm nay.

Theo Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng, nhiệm vụ của ngành Xây dựng trong thời gian tới cũng hết sức nặng nề. Thực hiện Chiến lược phát triển đất nước trong giai đoạn 2011 - 2020 mà

Nghị quyết của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI đã đề ra với mục tiêu đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, Bộ Xây dựng sẽ phát huy những thành tựu đạt được, nỗ lực đổi mới tư duy về quản lý, nhất là đổi mới tư duy về xây dựng hệ thống thể chế pháp luật xây dựng trong các lĩnh vực quản lý đầu tư xây dựng, phát triển đô thị và nhà ở, phát triển vật liệu xây dựng; cải cách doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Bộ, phấn đấu hoàn thành

xuất sắc các nhiệm vụ được giao, đóng góp tích cực cho sự phát triển của đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Buổi gặp mặt truyền thống của ngành Xây dựng diễn ra trong không khí đầm ấm và vui tươi với chương trình giao lưu văn nghệ của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Xây dựng.

Minh Tuấn

Hội thảo và Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam - Hàn Quốc về xây dựng thành phố thông minh và hạ tầng dữ liệu không gian quốc gia

Sáng ngày 24/4/2013, tại Hà Nội đã diễn ra Hội thảo và Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam - Hàn Quốc về xây dựng thành phố thông minh (U-City) và hạ tầng dữ liệu không gian quốc gia (NSDI) do Văn phòng Trung tâm xúc tiến thương mại Hàn Quốc (KOTRA), Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông (MLIT) Hàn Quốc phối hợp với Bộ Xây dựng Việt Nam tổ chức.

Tham dự Hội thảo, về phía Hàn Quốc có ông Park Moo Ik - Cục trưởng Cục Chính sách đất đai Hàn Quốc, ông Nam Seung Heon và ông Kim Mok Jin - Phó Cục trưởng Cục Chính sách đất đai Hàn Quốc, ông Ah Jong Ho - Viện trưởng Viện Nghiên cứu không gian quốc gia Hàn Quốc và ông Son Woo Jun - Tham tán Đại sứ quán Hàn Quốc tại Việt Nam; về phía Việt Nam có ông Đỗ Viết Chiến - Cục trưởng Cục Phát triển đô thị, ông Phạm Khánh Toàn - Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế và ông Hồ Đức Phước - Bí thư kiêm Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An. Ngoài ra, Hội thảo còn có sự tham dự của 23 doanh nghiệp hàng đầu Hàn Quốc về các giải pháp U-City và GIS cùng các nhà hoạch định chính sách, các chủ dự án đầu tư của Việt Nam, Philipin, Singapore và Campuchia.

Trong diễn văn chào mừng Hội thảo, ông Park Moo Ik - Cục trưởng Cục Chính sách đất



Cục trưởng Cục Chính sách đất đai Hàn Quốc, ông Park Moo Ik, đọc diễn văn chào mừng Hội thảo

đai Hàn Quốc nhấn mạnh, Hội thảo lần này đánh dấu quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Hàn Quốc nhằm chia sẻ kinh nghiệm trong việc xây dựng thành phố thông minh bền vững, đồng thời mở ra các cơ hội hợp tác đầu tư về xây dựng và chuyển giao công nghệ hấp dẫn với doanh nghiệp hai nước.

Đại diện Bộ Xây dựng Việt Nam phát biểu khai mạc Hội thảo, ông Đỗ Viết Chiến - Cục trưởng Cục Phát triển đô thị cho biết: 15 năm trở lại đây hệ thống đô thị Việt Nam đã có những chuyển biến tích cực. Mạng lưới đô thị (với trên 765 đô thị) phân bố hợp lý trên 6 vùng kinh tế xã hội của đất nước, cơ bản đã hình



Cục trưởng Cục Phát triển đô thị Việt Nam, ông Đỗ Viết Chiến, phát biểu khai mạc Hội thảo

thành rõ nét một số vùng đô thị hóa, trong mỗi vùng đã đảm bảo ít nhất có một đô thị hạt nhân đóng vai trò là cực tăng trưởng thúc đẩy sự phát triển của vùng. Kinh tế đô thị đóng góp lớn GDP cho cả nước, khẳng định vai trò của phát triển đô thị trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tuy nhiên, đô thị Việt Nam đang đứng trước các vấn đề lớn và phức tạp của quá trình đô thị hóa, phát triển đô thị như tốc độ đô thị hóa nhanh, phát triển “nóng”; vấn đề dịch cư, chênh lệch giàu nghèo, nhà ở, lao động, việc làm, ùn tắc giao thông, úng ngập, triều cường, ô nhiễm môi trường,... cùng những vấn đề mới nảy sinh mang tính toàn cầu như hội nhập, cạnh tranh đô thị, biến đổi khí hậu, nước biển dâng... Mục tiêu phát triển và chỉnh trang đô thị của Việt Nam trong giai đoạn tới là từng bước xây dựng hoàn chỉnh hệ thống đô thị phát triển theo mô hình mạng lưới, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội phù hợp, đồng bộ, hiện đại, có môi trường và chất lượng, đô thị sống tốt, có nền kiến trúc đô thị tiên tiến giàu bản sắc, có tính cạnh tranh cao trong phát triển kinh tế - xã hội quốc gia và quốc tế. Chính vì vậy, Việt Nam cần có sự chia sẻ kinh nghiệm từ các nước, các tổ chức quốc tế và cần nhận được sự hỗ trợ tích cực của cộng đồng quốc tế trong lĩnh vực phát triển đô thị, đặc biệt là Hàn Quốc - quốc gia đã trải qua các giai đoạn phát triển, tích lũy nhiều kinh nghiệm có giá trị trong phát triển các mô hình đô thị mới, trong giải quyết

công tác quy hoạch; trong quản lý đất đai; trong quản lý và điều tiết tốt các hoạt động đầu tư phát triển đô thị; trong việc khuyến khích các doanh nghiệp nhà nước và tư nhân tham gia cải tạo, chỉnh trang và phát triển mới đô thị; trong việc phát triển dịch vụ, tiện ích công cộng có chất lượng hiệu quả đến từng nhóm đối tượng xã hội nâng cao chất lượng đô thị và điều kiện sống cho nhân dân. Không chỉ dừng lại ở các nghiên cứu lý thuyết, nhiều đô thị của Hàn Quốc đã và đang ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ và mô hình phát triển đô thị độc đáo trong công tác quản lý như U-City, Smart City, Eco City v.v.. qua đó hình thành đội ngũ các chuyên gia, đơn vị tư vấn, các doanh nghiệp và thị trường chuyên sâu phục vụ phát triển đô thị theo hướng này.

Tại Hội thảo, đại diện Bộ MLIT Hàn Quốc đã trình bày tham luận về “Thực trạng và triển vọng trong chính sách U-City ở Hàn Quốc” và “Thông tin không gian địa lý - Sức mạnh dẫn đầu tương lai”. Theo đó, Hàn Quốc đã chuẩn hóa trong thủ tục thiết kế và thiết lập U-City, phát triển mô hình U-City để có thể ứng dụng vào các đô thị cũ đồng thời thúc đẩy hợp tác quốc tế. Hàn Quốc coi việc đẩy mạnh lộ trình thực hiện U-City như là một dạng cơ sở hạ tầng cốt lõi cho việc phát triển đô thị bền vững. Hàn Quốc đã thiết lập cơ sở hạ tầng thông tin không gian địa lý bằng việc thực thi chính sách thông tin không gian địa lý một cách có hệ thống, ví dụ như các dự án GIS quốc gia.

Đại diện Bộ Xây dựng Việt Nam đã trình bày tham luận “Thực trạng phát triển đô thị và phát triển đô thị thông minh tại Việt Nam”, và “Tình hình ứng dụng GIS và hệ thống thông tin kiến trúc, quy hoạch đô thị Việt Nam”. Hiện mạng lưới đô thị Việt Nam phân bố trên 6 vùng kinh tế - xã hội, được chia thành 6 loại và 3 cấp quản lý. Số lượng đô thị Việt Nam phát triển nhanh (trung bình mỗi năm có thêm 6 đô thị). Tỷ lệ đô thị hóa năm 2012 là 32,45%, dự kiến đến năm 2025 đạt khoảng 50%. Tuy nhiên, phát triển hạ

tầng chưa theo kịp đô thị hóa: Đất dành cho giao thông đô thị đạt khoảng 10% đất xây dựng đô thị (thấp so với yêu cầu 20 - 25%), dẫn đến tình trạng ùn tắc giao thông thường xuyên tại các đô thị lớn; tỉ lệ dân cư đô thị được cấp nước sạch chỉ đạt 78%, tỉ lệ thất thoát nước cao (28 - 29%); kiến trúc cảnh quan đô thị dù đã được cải thiện nhưng vẫn còn nhiều hạn chế như nhiều công trình kiến trúc lấn át tự nhiên, các đô thị đặc thù vùng miền còn thiếu bản sắc, việc cải tạo, xây mới còn cục bộ, ít quan tâm đến kết nối các khu vực xung quanh.

Hội thảo lần này là diễn đàn trao đổi thông tin về các xu hướng phát triển đô thị, chia sẻ kinh nghiệm giữa hai bên trong việc triển khai thực hiện quản lý đầu tư xây dựng đô thị; đóng góp thiết thực, hiệu quả để tăng cường mở rộng chia sẻ kinh nghiệm, công nghệ và kiến thức của Hàn Quốc trong lĩnh vực phát triển đô thị với Việt Nam và sẽ góp phần vào quá trình phát triển bền vững đô thị Việt Nam

Thu Huyền

Công nghiệp hóa xây dựng - Sứ mệnh xanh hóa

Năng lượng tiêu hao của ngành Xây dựng chiếm 1/3 tổng năng lượng tiêu hao của toàn xã hội, đặc biệt trong 10 năm trở lại đây thì với phương thức xây dựng truyền thống khiến cho nhiều nguồn tài nguyên bị sử dụng một cách lãng phí, ô nhiễm rác thải do xây dựng, ô nhiễm không khí, ô nhiễm tiếng ồn, ô nhiễm nguồn nước là những vấn đề điển hình tồn tại ở hầu khắp các địa phương trong cả nước, khiến cho môi trường sinh thái của nhiều nơi bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Thay đổi phương thức xây dựng truyền thống, áp dụng công nghiệp hóa xây dựng, hướng tới xây dựng xanh đang là xu thế của thế giới và cũng là xu thế mà Trung Quốc hướng tới, là sứ mệnh mà ngành Xây dựng Trung Quốc phải hoàn thành để đảm bảo phát triển kinh tế, xã hội ổn định, bền vững.

Công nghiệp hóa, cuộc cách mạng trong thời kỳ mới

Theo báo cáo cuối năm của Bộ Xây dựng Trung Quốc, tính đến cuối năm 2011 cả nước có hơn 400 triệu m² đất xây dựng mới, trong đó hơn 95% trên tổng diện tích đất xây dựng sử dụng vật liệu tiêu hao năng lượng, nguồn nguyên liệu sử dụng trong quá trình sản xuất vật liệu xây dựng chiếm đến 46% năng lượng tiêu hao của toàn xã hội. Phương thức xây dựng truyền thống mang tính lịch sử đang cần một sự

thay đổi, cần phải có một cuộc cách mạng trong ngành Xây dựng để tăng GDP của cả nước, và để thực hiện mục tiêu của Chính phủ là đưa Trung Quốc trở thành một đất nước đứng đầu về sinh thái, môi trường, một đất nước “xanh và đẹp”.

Công nghiệp hóa xây dựng hay còn được gọi là công nghiệp hóa dân cư. Các chuyên gia trong ngành cho rằng, công nghiệp hóa xây dựng chính là sử dụng phương thức sản xuất công nghiệp hóa trong dây chuyền sản xuất tại các nhà máy sản xuất hàng loạt các sản phẩm phục vụ cho việc lắp đặt xây dựng nhà ở như cầu thang, tấm ốp tường, ban công, các linh kiện lắp đặt phòng tắm... Sản xuất theo kiểu công nghiệp hóa không chỉ kiểm soát được về chất lượng, số lượng mà còn kiểm soát được cả về tiến độ, chi phí, đồng thời giảm một lượng đáng kể bụi công trường thi công, tiếng ồn và ô nhiễm nước. Tại các quốc gia phát triển việc áp dụng công nghiệp hóa trong xây dựng đã được thực hiện từ lâu và đem lại hiệu quả cao về mọi mặt, kỹ thuật và tiêu chuẩn cũng ngày càng tiên tiến hơn, ví dụ điển hình là ở Thụy Sĩ, 80% nhà ở sử dụng vật liệu sản xuất theo dây chuyền công nghiệp hóa, còn ở Mỹ thì con số này là gần 100%.

Một mặt, những công trình sử dụng mức tiêu

hao năng lượng lớn, một mặt là thực hiện tiết kiệm năng lượng theo tiến trình công nghiệp hóa, hai mặt đối lập nhau, đem lại hiệu quả khác nhau thấy rõ, vì thế việc thay đổi lối kiến trúc xây dựng truyền thống là điều tất yếu, ngành Xây dựng Trung Quốc đang định hướng đúng và đây là giai đoạn then chốt để thay đổi.

Trung Quốc đã mất một khoảng thời gian khá dài cho việc gây ra ô nhiễm nặng cho môi trường, tiêu hao nguồn năng lượng lớn, chất lượng cuộc sống thấp, phương thức xây dựng truyền thống dần trở nên lạc hậu, thị trường Trung Quốc đã và đang đón nhận những phương thức, kỹ thuật xây dựng mới, tiên tiến hơn và phù hợp hơn. Mặc dù khi thực hiện công nghiệp hóa xây dựng, Trung Quốc biết chắc sẽ gặp phải những điều khó khăn, bất lợi, tuy nhiên đây cũng là cơ hội tuyệt vời để Trung Quốc đổi mới. Vấn đề còn lại chỉ là thời gian, dù sớm hay muộn thì Trung Quốc cũng vẫn thực hiện chiến lược thay đổi ngành công nghiệp xây dựng. Để thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa xây dựng diễn ra nhanh hơn, Trung Quốc cần có chiến lược phát triển quy mô ngành và doanh nghiệp xây dựng, như vậy con đường để Trung Quốc trở thành nước có nền công nghiệp xây dựng xanh sẽ được rút ngắn lại trong tương lai không xa.

Hướng tới mục tiêu xây dựng xanh, những vấn đề mà công nghiệp hóa xây dựng cần phải đối mặt

Từ năm 1992 Trung Quốc đã chính thức đề xuất phương án công nghiệp hóa ngành Xây dựng. Năm 1998, Chính phủ Trung Quốc ban hành văn bản số 72 về công nghiệp hóa nhà ở, đánh dấu việc Trung Quốc bắt đầu kế hoạch thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa trên toàn quốc. Đến năm 2006, Bộ Xây dựng Trung Quốc ban hành văn bản “Phương pháp xây dựng thí điểm nhà ở công nghiệp hóa”, cho đến nay cả nước đã có 27 công trình nhà ở công nghiệp hóa cấp quốc gia được phê duyệt. Năm 2013, văn phòng Chính phủ ban hành “Văn kiện số

01” về “Chương trình hành động xây dựng xanh”, yêu cầu thúc đẩy công nghiệp hóa xây dựng, mang màu xanh đến các công trường xây dựng trên khắp cả nước.

Chính phủ Trung Quốc đã đưa ra nhiều chính sách hỗ trợ mạnh mẽ cho tiến trình thực hiện công nghiệp hóa, nhằm giải quyết những khó khăn mà công nghiệp hóa xây dựng phải đối mặt. 10 năm kể từ khi bắt đầu công nghiệp hóa, ngành Xây dựng cũng đã có được những thành tựu và hiệu quả đáng kể, tuy nhiên vẫn còn những mặt hạn chế như kỹ thuật còn đơn giản, chất lượng sản phẩm còn thấp, chi phí cao, hiệu quả sản xuất thấp, năng lực cán bộ không đồng đều, tiêu hao năng lượng và tài nguyên nhiều, lãng phí.

Các chuyên gia cho rằng, hầu hết các doanh nghiệp xây dựng trên cả nước chỉ công nghiệp hóa một số bộ phận tối ưu, chứ chưa có được một kế hoạch tổng thể để hình thành nên một doanh nghiệp công nghiệp hóa đúng nghĩa, chưa có sự thống nhất về tiêu chuẩn kỹ thuật, thị trường và khách hàng đối với khái niệm công nghiệp hóa nhà ở vẫn còn mơ hồ, nhận thức không giống nhau. Chính vì thế, phương pháp xây dựng truyền thống vẫn còn được kéo dài và ưu tiên áp dụng ở nhiều địa phương, nhất là ở vùng nông thôn. Tính đến ngày 31/12/2012, cả nước có 742 công trình được đánh giá là công trình xanh, với tổng diện tích xây dựng là 75,81 triệu m². Nhiều nơi vẫn cho rằng khái niệm “xây dựng xanh” chỉ dừng lại ở phương thức và quá trình xây dựng, không có khái niệm cơ bản về bảo đảm hay tiết kiệm năng lượng.

Công nghiệp hóa muốn thực hiện được đồng bộ thì kỹ thuật phải đồng bộ, trong khi công nghệ xây dựng lại chỉ được đầu tư cho doanh nghiệp có quy mô lớn thuộc Nhà nước, vì thế Chính phủ cần có động thái tích cực hơn nhằm khuyến khích các doanh nghiệp xây dựng mạnh dạn hơn trong việc sử dụng công nghệ tích hợp trong xây dựng nhà ở.

Vấn đề quản lý cũng cần phải được nâng cao hơn, không chỉ quản lý về quy trình, phương thức xây dựng, mà ngay từ khâu duyệt đồ án thiết kế, cho đến lựa chọn vật liệu thi công, thời gian, tiến độ, và cả đánh giá công năng sử dụng của công trình cũng đều cần có một quy trình quản lý sát sao, hiệu quả.

Xây dựng xanh, sự lựa chọn hoàn hảo cho kiến trúc

Không giống như phương pháp xây dựng truyền thống, xây dựng xanh có thể sử dụng tối đa hóa công năng của công trình, tiết kiệm và tái sử dụng nguồn năng lượng, nguồn nước và vật liệu, rác thải. Thông qua thiết kế, thi công, vận hành, bảo trì hợp lý, có thể loại bỏ những yếu tố gây lãng phí tiêu hao năng lượng trong công trình, hay những tác động tiêu cực của công trình ảnh hưởng đến sức khỏe của con người và môi trường tự nhiên. Trung Quốc đang hướng tới việc đưa ra các giải pháp xây dựng nhằm thực hiện mục tiêu: Trong tương lai ngành Xây dựng sẽ chỉ xây dựng nên những công trình xanh, tiết kiệm năng lượng hiệu quả,

thân thiện với môi trường, chất lượng xây dựng cao, chi phí thấp.

Vấn đề trước mắt là, công nghiệp hóa nhà ở đang phát triển ở giai đoạn đầu, quy mô chưa rộng khắp, chưa chiếm lĩnh được thị trường, đặc biệt là ở khu vực nông thôn và miền núi, ngay ở thành thị cũng có những công trình nhà dân cư đơn lẻ vẫn xây dựng theo lối truyền thống cũ. Chính phủ Trung Quốc có kế hoạch xây dựng 36 triệu nhà ở giá rẻ và kế hoạch thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa ngành xây dựng đến năm 2015. Bộ Xây dựng Trung Quốc cho biết: “Với tiến trình đô thị hóa diễn ra ngày càng nhanh chóng như hiện nay thì xu hướng công nghiệp hóa nhà ở là không thể tránh khỏi, từ đô thị đến nông thôn sẽ sớm có bộ mặt mới, với những công trình xây dựng xanh và không còn ô nhiễm môi trường”.

Tiết Tú Xuân

Nguồn: <http://www.chinajs.com>

ND: Quỳnh Anh

Quản lý nguồn tài nguyên rác thải xây dựng

Với bài viết này, tác giả tiến hành phân tích thành phần của chất thải xây dựng, khái quát về hiện trạng rác thải xây dựng Trung Quốc, giới thiệu về một số phương pháp xử lý nguồn tài nguyên rác thải xây dựng trong nước, những vấn đề tồn tại trong việc tận dụng rác thải xây dựng và đề xuất một số chính sách khả thi.

Rác thải xây dựng được sản sinh trong quá trình xây dựng, phá dỡ, trong đó chủ yếu là chất thải rắn, bao gồm những khối bê tông, khối bê tông nhựa đường...; Vữa và bê tông được thải ra trong quá trình thi công; Gạch vỡ, xỉ, kim loại, vật liệu tre gỗ, phế liệu thải ra trong quá trình trang trí... Trong số rác thải xây dựng, có rất nhiều phế thải sau khi đã qua phân loại hoặc nghiền nát, phần lớn đều là những phế thải có thể tái sử dụng. Việc tái sử dụng toàn bộ những

loại rác thải xây dựng này, có thể tiết kiệm đáng kể nguồn tài nguyên và cũng là cách hiệu quả để bảo vệ nguồn sinh thái.

Trung Quốc hiện đang sử dụng các phế liệu công nghiệp như than ướt, tro bay, xỉ... để thay thế nguyên liệu đất sét nung truyền thống. Việc sử dụng các chất thải xây dựng mới chỉ là bước đầu, cho đến nay vẫn chưa có một phương pháp xử lý nguồn tài nguyên rác thải xây dựng thực sự thống nhất và phù hợp với tình hình trong nước. Hiện Trung Quốc vẫn chọn phương pháp phổ biến là chôn lấp để xử lý rác thải.

Theo khảo sát, trong quá trình thi công, cứ mỗi 10.000 m² xây dựng sẽ sản sinh từ 500 - 600 tấn rác thải xây dựng. Trong rác thải xây dựng có rất nhiều những phế liệu đã qua phân loại, loại bỏ và nghiền nát, nhưng phần lớn đều

có thể đưa vào tái chế, như các kim loại: thép phế liệu, dây thép, dây điện và các loại vật liệu bằng sắt thép khác. Sau khi thông qua khâu phân loại - tập trung - chuyển vào lò nung chảy, có thể gia công lại và chế tạo thành các loại vật liệu thép đúng quy cách; với các phế liệu bằng tre gỗ, có thể chế tạo thành gỗ nhân tạo; với các phế liệu là gạch, đá, bê tông... sau khi đưa vào nghiền nát, có thể dùng làm vữa xây, vữa trát... hoặc có thể dùng làm nguyên liệu để đóng gạch viên, gạch lát vỉa hè, gạch hoa trang trí và nhiều sản phẩm vật liệu xây dựng khác.

1. Tình hình sử dụng nguồn rác thải xây dựng ở trong nước

Đã từ lâu, việc tận dụng rác thải xây dựng ở Trung Quốc không được quan tâm đúng mức, luôn duy trì lối tư tưởng không mấy tiến bộ là rác thải xây dựng không cần thông qua bất kỳ một khâu xử lý nào, sau khi thải ra là vận chuyển ra vùng ngoại ô hoặc vùng nông thôn, sau đó chọn theo phương pháp đổ đống lộ thiên hoặc chôn lấp để xử lý. Cùng với việc đô thị Trung Quốc xây dựng và phát triển nhanh chóng, lượng rác thải xây dựng được thải ra cũng ngày một tăng, trong khi đó, ngành Xây dựng Trung Quốc lại thực hiện theo cách thi công truyền thống, cần sử dụng một lượng lớn nguyên liệu, cùng với phương pháp quản lý lạc hậu, điều này đã khiến lượng rác thải xây dựng tăng lên đáng kể. Số lượng rác thải xây dựng hàng năm ở Trung Quốc chiếm một tỷ lệ lớn so với tổng lượng rác thải sinh hoạt đô thị, đây cũng là một vấn đề nan giải trong công tác quản lý chất thải.

2. Tình hình sử dụng nguồn rác thải xây dựng ở nước ngoài

Những năm gần đây, nhiều quốc gia đã thực hiện “Chiến lược giảm nguồn rác thải xây dựng”. Trước khi hình thành rác thải xây dựng, thông qua phương pháp quản lý khoa học và các biện pháp kiểm soát có hiệu quả, giảm số lượng rác thải bằng những phương pháp khoa học để xử lý rác thải xây dựng và tái tạo chúng. Về vấn đề này, các nước phát triển như Nhật

Bản, Mỹ, Đức... đã thực hiện từ rất sớm, đây đều là những kinh nghiệm tiên tiến đáng để Trung Quốc học hỏi.

Do Nhật Bản là một quốc gia có diện tích lãnh thổ nhỏ bé, lại khan hiếm nguồn tài nguyên, nên giá nguyên liệu thô ở Nhật Bản cao hơn rất nhiều so với các nước châu Âu. Vì vậy, người Nhật Bản đã sớm nhận thức và xem rác thải xây dựng là “Sản phẩm giàu tính xây dựng”, họ luôn chú trọng tới công tác tái chế nguồn tài nguyên này. Ví dụ như sử dụng vật liệu đá tái chế thay cho số lượng lớn đá tự nhiên làm vật liệu xây dựng hạ tầng tại các bến cảng.

Hay như công ty CYCLEAN của Mỹ, công ty này đã chọn kỹ thuật vi sóng để tái chế nhựa đường cũ thành vật liệu làm đường, chất lượng của vật liệu nhựa đường tái chế hoàn toàn tương đương và giá thành chỉ bằng 1/3 so với nhựa đường tươi, đồng thời còn giúp tiết kiệm chi phí vận chuyển, xử lý rác thải và giảm tình trạng ô nhiễm môi trường đô thị; hay những rác thải xây dựng đã được xử lý sơ qua, sẽ được chuyển đến các trung tâm tái chế, tại đây người ta sẽ dùng phương pháp đốt để tiến hành xử lý tập trung.

3. Biện pháp cơ bản nhằm đối phó với những vấn đề trong rác thải xây dựng

Để giải quyết những vấn đề còn tồn tại trong việc xử lý rác thải xây dựng trong nước, trong quá trình xây dựng, để tận dụng nguyên liệu một cách hợp lý, hiệu quả bền vững, giảm tối đa mức độ ảnh hưởng tới môi trường tự nhiên, cần hình thành một mô hình tái chế hiệu quả, giảm phát thải xây dựng, đồng thời bảo vệ môi trường và đạt hiệu quả kinh tế cao.

Để tăng cường kiểm soát các nguồn rác thải, phát triển mạnh mẽ và thúc đẩy công nghệ mới, kỹ thuật mới giảm tiêu hao năng lượng, từ đó giảm lượng rác thải xây dựng. Trong quá trình thiết kế xây dựng, cần quan tâm tới vật liệu xây dựng có tính bền vững, hạn chế tối đa việc thiết kế cấu trúc để tạo ra rác thải xây dựng, cần sử dụng những vật liệu xây dựng thân thiện

với môi trường, tính toán lựa chọn những vật liệu sao cho về sau nếu có phải sửa chữa hay cải tạo ít thải ra rác thải xây dựng nhất.

Trong quá trình xây dựng, kiên quyết ngăn chặn tình trạng bót xén vật liệu, vật liệu kém chất lượng, tự ý thay đổi phương án thiết kế...; phải luôn đảm bảo chất lượng và tính chịu bền trong xây dựng, hạn chế tối đa các việc liên quan tới sửa chữa, gia cố, thậm chí xây dựng lại. Quan tâm tới công tác trực tiếp tái sử dụng các phế liệu, ví dụ như phế thải gạch vỡ, bê tông... sau khi được nghiền nát, có thể thay vật liệu cát, trực tiếp sử dụng ngay trong công trường thi công, như vậy có thể giảm lượng chất thải xây dựng sản sinh ra môi trường. Đồng thời, việc thiết lập tiêu chuẩn đầu ra cho rác thải xây dựng cũng là một việc làm cần thiết, căn cứ vào đó làm cơ sở pháp lý để thực hiện, như vậy chính phủ cũng dễ dàng hơn trong việc kiểm soát lượng rác thải xây dựng được tạo ra.

Rác thải xây dựng sau khi được chuyển đến bãi tập kết sẽ được phân loại, tập trung, phân tách xử lý theo 2 cách vô cơ và hữu cơ, trong đó, với những thành phần nguyên vật liệu có thể tái chế, sẽ được tiến hành thu gom tái chế. Nhưng để việc xử lý rác thải được thực hiện tốt, thì Chính phủ, các cơ quan chủ quản bảo vệ môi trường, ngành công nghiệp vật liệu xây dựng và nhiều bộ ngành khác phải cùng phối hợp chặt chẽ, đưa ra các chính sách ưu đãi, hỗ trợ những doanh nghiệp xử lý rác thải xây dựng, mở rộng và thúc đẩy những sản phẩm tái chế

phát triển; có các biện pháp tích cực nhằm khích lệ việc tái sử dụng rác thải xây dựng.

Tuy nhiên, cũng có một số chuyên gia tỏ ý hoài nghi đối với sản phẩm tái chế từ rác thải xây dựng tương đối phức tạp, một số phế liệu có thể bị nhiễm chất thải phóng xạ, nếu sử dụng để làm tường có thể sẽ gây ô nhiễm, điều này đòi hỏi phải có công nghệ cao can thiệp. Do đó, các vấn đề liên quan tới nguồn rác thải xây dựng, xử lý để chúng trở nên vô hại với sức khỏe con người hay liên quan tới công nghiệp hóa rác thải, đều cần phải suy xét thận trọng từ kỹ thuật, tài chính, chính sách, thị trường... Ngoài ra, họ còn cho rằng, chi phí tái chế rác thải xây dựng cao, cần đầu tư một lượng vốn lớn để phát triển công nghệ tái chế, sản phẩm tái chế có chỗ đứng trong thị trường không, điều này không ai có thể khẳng định.

Tóm lại, rác thải xây dựng là một loại vật liệu mang tính hỗn hợp, nếu không qua xử lý, trực tiếp đổ đống hay chôn lấp, không những có thể tàn phá môi trường tự nhiên con người đang sống, mà còn làm lãng phí một lượng lớn nguồn tài nguyên. Chỉ có các biện pháp tích cực, mới đảm bảo ngành Xây dựng phát triển bền vững.

Lưu Tiểu

Nguồn: <http://www.cn-hw.net>

(Trang web: Khoa học công nghệ và môi trường Trung Quốc)

ND: Bích Ngọc

Phát triển thành phố - thước đo giá trị sinh thái

Thuật ngữ sinh thái không phải là một khái niệm mới, sau nhiều năm nghiên cứu, vận dụng, và tìm hiểu thì giờ đây nó lại được nhắc đến như một điểm nóng của vấn đề phát triển. Trong báo cáo của Đại hội Đảng lần thứ 18 đã nhắc đến “Trung Quốc cần hướng tới một kỷ nguyên mới về phát triển văn minh sinh thái”, có nghĩa là cần phải tích cực bảo vệ tự nhiên,

bảo vệ môi trường sinh thái.

Các thành phố lớn của Trung Quốc đang tìm cách gia tăng số lượng cây xanh trong thành phố, trong các khu đô thị mới, khu công nghiệp và sản xuất, đồng thời Chính phủ Trung Quốc cũng lên kế hoạch xây dựng các thành phố sinh thái, nhưng vấn đề này còn khó khăn và phức tạp trong quá trình thực hiện, khái niệm thành

phổ cacbon thấp dường như đang ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của Trung Quốc, đặc biệt là ngành Xây dựng, chịu áp lực ngày càng lớn khi phải ngày ngày đối mặt với tốc độ xây dựng tăng mạnh. Phát triển đô thị phải tính đến chi phí sinh thái, các mô hình sinh thái tốt cho sức khỏe và đời sống của nhân dân, nhưng phải thực tế và phù hợp chứ không phải kế hoạch viển vông, xa vời.

Điều chỉnh sự mất cân bằng hệ sinh thái

Ý nghĩa của từ “sinh thái” rất phong phú, nghĩa hẹp chỉ đơn giản là bảo tồn thiên nhiên, chẳng hạn như việc bảo vệ đa dạng sinh học và rừng thực vật, nghĩa rộng hơn thì bao gồm bảo vệ môi trường, như chất lượng không khí, chất lượng nước, tiết kiệm năng lượng, giảm lượng phát thải khí nhà kính, nghĩa rộng hơn nữa thì gồm tất cả các khía cạnh của cuộc sống, liên quan đến sinh hoạt sản xuất của người dân, liên quan cả đến việc tái chế vật liệu thải, rác thải... Muốn điều hòa hệ sinh thái không phải là điều đơn giản, bởi nó liên quan đến nhiều khía cạnh khác nhau, chỉ cần một sự phối hợp không đồng đều sẽ dẫn đến mất cân bằng, không bền vững. Chính vì thế, hiểu rõ được những việc cần làm, nên làm là điều cần thiết.

Phát triển kinh tế đô thị nên gắn với xây dựng môi trường sinh thái

Từ lâu Trung Quốc đã đưa ra kế hoạch xây dựng đô thị sinh thái. Cho đến nay nhiều địa phương đã nỗ lực trong việc phát triển kinh tế song song với phát triển môi trường sinh thái, tuy nhiên không phải địa phương nào cũng làm tốt được cả 2 nhiệm vụ trên, bởi còn tùy thuộc vào địa hình, khí hậu, và nguồn tài chính của địa phương. Nhiệm vụ phát triển kinh tế của địa phương cũng rất nặng nề, trong khi đó quản lý và kiểm soát xây dựng không phải là việc làm đơn giản, muốn duy trì và điều hòa hệ sinh thái cần có đội ngũ nghiên cứu, quản lý, giám sát chuyên môn sâu và hơn hết là ý thức bảo vệ môi trường thiên nhiên của người dân và doanh nghiệp. Chính phủ Trung Quốc đã đưa ra nhiều

bộ luật nhằm bảo vệ môi trường sinh thái như Luật Môi trường, Luật Lâm nghiệp, Luật Nước, Luật Thúc đẩy kinh tế tuần hoàn, cho đến các chính sách hỗ trợ phát triển. Tuy nhiên những bộ luật và chính sách đưa ra còn mang tính vĩ mô, thiếu chi tiết cụ thể, ví dụ như không có quy định rõ ràng về lượng khí thải cacbon cho phép, biện pháp chống biến đổi khí hậu...

Đưa ra luật để quản lý vẫn là chưa đủ, quan trọng vẫn là việc thực thi luật pháp như thế nào. Đặc biệt là việc xử lý vi phạm so với luật ban hành, các hành vi nào bị quy trách nhiệm, và việc bồi thường thiệt hại tính toán dựa trên cơ sở nào cần phải được rõ ràng. Hệ thống pháp luật còn lỏng lẻo, do đó nếu cơ quan quản lý cũng thờ ơ thì pháp luật sẽ không được thực thi một cách nghiêm túc và có hiệu quả. Đối với những công trình công cộng thì việc quản lý càng đòi hỏi phải sát sao nếu không tất yếu sẽ dẫn đến hệ quả là bị thất thoát, hư hại và lãng phí.

Quy hoạch đô thị nhỏ và vừa cần chú ý đến nhu cầu sinh thái

Đô thị hóa là tiến trình tất yếu của phát triển xã hội, đảm bảo đời sống ổn định cho người dân và kinh tế bền vững. Tuy nhiên vấn đề đặt ra là, từ kinh nghiệm của các nước phương Tây trong quá trình đô thị hóa đã cho thấy: dù đô thị hóa mạnh mẽ đến đâu thì để duy trì sự cân bằng giữa đô thị và nông thôn là điều không phải dễ, khoảng cách giữa đô thị và nông thôn chính là dịch vụ công cộng, phúc lợi xã hội, cơ hội việc làm, quy hoạch cơ sở hạ tầng. Theo báo cáo của Văn phòng Chính phủ, với tình hình sản xuất nông nghiệp thực tế của vùng nông thôn, để đảm bảo vấn đề an ninh lương thực quốc gia, tỷ lệ đô thị hóa của Trung Quốc chỉ nên trong khoảng từ 70% đến 75%, và để đạt được tỷ lệ đó thì Trung Quốc mất khoảng 20 năm - một chặng đường dài và gian khổ.

Các nhà hoạch định chính sách và quy hoạch cũng cần phải chú ý đến việc phân bố không gian giữa các vùng miền, phát triển thành phố vừa và nhỏ cần có sự phù hợp với

phát triển vùng. Do người dân có xu hướng đổ về các thành phố lớn để sinh sống, nên nếu phát triển các thành phố vừa và nhỏ có chất lượng cao thì sẽ giảm bớt được gánh nặng dân số cho các thành phố lớn hiện nay. Hoặc có kế hoạch di dời một số cơ quan, trường đại học, trung tâm nghiên cứu, bệnh viện lớn nằm trong các thành phố lớn ra các đô thị vệ tinh, ước tính một lượng lớn dân số sẽ di dời ra khỏi thành phố, và hiện tượng ùn tắc giao thông trong thành phố cũng được giảm đáng kể.

Đối với vấn đề quy hoạch và xây dựng thành phố sinh thái vừa và nhỏ, cần chú ý 3 điểm sau:

Một là, từ góc độ quản lý quy hoạch đô thị và bảo vệ xây dựng môi trường sinh thái, các thành phố vừa và nhỏ cần có quy hoạch phát triển định hướng cho tương lai, cơ sở hạ tầng đô thị phải phù hợp và có công năng cao, chứ không phải nay xây mai phá, như vậy sẽ gây ra lãng phí tiền của, nguyên liệu và ảnh hưởng đến môi trường sinh thái. Quy hoạch phải tính đến không gian trên mặt đất và phát triển không gian ngầm, cần quy hoạch rõ những hạng mục công trình ngầm như đường ống nước, đường cáp, đường giao thông ngầm...

Hai là thay đổi phương thức sản xuất nông nghiệp thô sơ bằng máy móc hiện đại, vừa giảm được sức lao động cho người dân, vừa giảm bớt rác thải, chất thải sản xuất, sử dụng công nghệ mới tái sử dụng rác thải biến nó thành nguồn năng lượng khí đốt phục vụ cho đời sống sinh hoạt và sản xuất của người dân. Đối với các thành phố vừa và nhỏ phát triển theo hướng công nghiệp thì cần thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lựa chọn ngành công nghiệp phù hợp với địa phương, đồng thời cũng phải lưu ý tới việc bảo vệ môi trường sinh thái và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

Ba là cần tăng cường công tác tuyên truyền vận động để khuyến khích người dân và doanh nghiệp có ý thức bảo vệ môi trường, sản xuất xanh và sạch. Nguồn tài nguyên thiên nhiên có hạn, do đó mỗi người dân và doanh nghiệp cần phải biết bảo vệ môi trường tài nguyên sẵn có của địa phương, cũng chính là bảo vệ môi trường sống của bản thân mình.

Tô Tiểu Tinh

Nguồn: <http://www.chinajsbcn>

ND: Quỳnh Anh

Vai trò của doanh nghiệp trong Xây dựng xanh

Phát triển Xây dựng xanh có thể giúp thay đổi phương thức phát triển của ngành Xây dựng, có lợi cho việc tiết kiệm tài nguyên, xây dựng xã hội thân thiện với môi trường. Mặc dù, ở Trung Quốc có nhiều doanh nghiệp xây dựng đã chủ trương phát triển xây dựng xanh, nhưng trong thực tế, hiệu quả thu được là không đáng kể. Có những doanh nghiệp hô hào khẩu hiệu rất lớn nhưng hành động trên thực tế lại không được như vậy, có doanh nghiệp chỉ thực hiện theo kiểu đối phó, khi có các cơ quan kiểm tra đánh giá thì sạch sẽ gọn gàng khi họ rời khỏi thì đầu lại vào đấy.

Với những ý nghĩa của xây dựng xanh, các doanh nghiệp cần coi công tác thi công xây

dựng xanh là một nhiệm vụ quan trọng, cần nắm chắc mục tiêu và thực hiện có hiệu quả mục tiêu đó. Trước hết, để tạo tiền đề cho việc phát triển xây dựng xanh, các doanh nghiệp cần xây dựng những dự án, công trình xanh mang tính chất thị phạm, với những quan điểm đúng đắn về xây dựng xanh, nâng cao toàn diện trình độ quản lý xây dựng xanh. Thứ hai là cần kiên trì lên kế hoạch, chú trọng quá trình tổng kết, trao đổi kinh nghiệm thực tiễn về xây dựng xanh. Cần phải lấy những sáng tạo mới trong kỹ thuật để phát triển xây dựng xanh, trong đó tích cực ứng dụng phát triển mở rộng “10 hạng mục kỹ thuật mới của ngành Xây dựng”, tăng cường ứng dụng kỹ thuật mới, công

nghệ mới, nguyên liệu mới trong xây dựng xanh, không ngừng nâng cao năng lực tự chủ sáng tạo mới của doanh nghiệp. Trên các công trường xây dựng cần được lắp đặt các thiết bị đo lường như đồng hồ đo điện, nước, các thiết bị đo lường độ hao phí năng lượng, đồng thời xây dựng các chỉ tiêu sử dụng năng lượng; tiến hành thu gom nguyên vật liệu phế thải để có thể tái sử dụng; ứng dụng kỹ thuật, công nghệ thi công mới có khả năng giảm tiêu thụ năng lượng và giảm hao phí nguyên vật liệu; có thể sử dụng bê tông và vữa bê tông trộn sẵn, tiến hành xử lý tổng hợp nước thải và nước gây ô nhiễm, nâng cao tỉ lệ tái sử dụng nước; phân loại rác thải xây dựng và rác thải sinh hoạt để tiến hành xử lý phù hợp; thiết lập các trạm quan trắc, giám sát tiếng ồn...

Một trong những giải pháp thúc đẩy phát

triển xây dựng xanh là tiến hành công nghiệp hóa xây dựng. Trọng tâm của nó là thông qua việc tiêu chuẩn hóa các thiết kế, công xưởng hóa cấu kiện, thiết bị hóa hiện trường thi công, hiện đại hóa công tác quản lý. Đối với các doanh nghiệp thi công xây dựng Trung Quốc, việc bắt tay vào sản xuất các cấu kiện xây dựng đúc sẵn, phát huy đầy đủ vai trò quan trọng của các chuyên gia và các kỹ thuật viên có trình độ cao, nâng cao trình độ nguồn nhân lực và áp dụng những công nghệ thi công mới... là những hành động thiết thực góp phần cho sự phát triển xây dựng xanh ở Trung Quốc.

Khẩu Văn - Giai Âm

Nguồn: Báo Xây dựng Nam Kinh,

ngày 27/3/2013

ND: Khánh Ly

Phân tích chiến lược tiêu thụ của các doanh nghiệp bất động sản Trung Quốc

Trong quá trình phát triển bất động sản, các doanh nghiệp bất động sản chỉ có thể quản lý hữu hiệu giá thành kinh doanh bất động sản, về căn bản thực hiện được mục tiêu hạ thấp giá thành, thúc đẩy ngành bất động sản phát triển lành mạnh và ổn định. Giá nhà ở của Trung Quốc tăng lên quá nhanh, một mặt là do mâu thuẫn cung cầu quá nghiêm trọng, mặt khác, còn do các doanh nghiệp chưa có chiến lược tiêu thụ hợp lý trong quá trình khai thác và kinh doanh bất động sản, khiến cho giá thành nhà ở thương phẩm tăng vọt. Cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008 đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng cho sự phát triển của ngành bất động sản Trung Quốc, nhiều doanh nghiệp bất động sản vừa và nhỏ phải đóng cửa do vấn đề vốn, các doanh nghiệp bất động sản chịu ảnh hưởng tương đối lớn của các nhân tố như kỹ thuật.

Ngành bất động sản có vai trò quan trọng trong quá trình phát triển của nền kinh tế. Bởi vậy, cần phải coi trọng sự phát triển lành mạnh

và ổn định của ngành bất động sản. Ngành bất động sản phát triển lành mạnh có thể giúp giải quyết vấn đề nhà ở cho đông đảo nhân dân, thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển hài hòa, tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động. Vì thế, cần phải duy trì sự phát triển lành mạnh và ổn định của ngành bất động sản, giải quyết vấn đề giá nhà tăng quá cao trong quá trình phát triển thị trường bất động sản, cần tích cực phân tích các nhân tố bên trong và bên ngoài, đề ra chiến lược tiêu thụ phù hợp với thị trường hiện nay, cơ bản thúc đẩy ngành bất động sản phát triển ổn định và lành mạnh.

I. Nghiên cứu vấn đề phát triển ngành bất động sản

Quá trình phát triển của ngành bất động sản Trung Quốc còn tồn tại những mâu thuẫn cung cầu nghiêm trọng, đồng thời còn xuất hiện vấn đề giá bất động sản, là những nhân tố gây ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển của thị trường bất động sản. Nhằm ứng phó với hiện tượng giá

nhà tăng quá nhanh, Chính phủ Trung Quốc đã triển khai nhiều giải pháp chính sách kìm hãm giá nhà và bước đầu đã có hiệu quả, giá nhà ở một số thành phố lớn và vừa xuất hiện dấu hiệu giảm xuống. Quan sát tình hình phát triển của thị trường bất động sản Trung Quốc, có thể thấy cần phải giải quyết một số vấn đề được đề cập dưới đây.

1. Cơ cấu nội tại của doanh nghiệp không hoàn thiện

Cơ cấu nội tại của doanh nghiệp bất động sản Trung Quốc chưa hoàn thiện, khiến cho ngành bất động sản phát triển thiếu ổn định, vì vậy cần phải có các biện pháp tích cực và hữu hiệu để tiến hành cải cách chế độ quyền tài sản đối với doanh nghiệp bất động sản. Một bộ phận doanh nghiệp quốc doanh tham gia kinh doanh bất động sản, nhưng vẫn còn nhiều điểm không kiện toàn và không hoàn thiện ở mặt chế độ quyền tài sản, thường không vận hành quy phạm hóa theo quy luật thị trường, gây ảnh hưởng nhất định đối với sự phát triển lành mạnh và ổn định của ngành bất động sản. Vì vậy, trong quá trình phát triển ngành bất động sản, Trung Quốc cần đi sâu cải cách chế độ doanh nghiệp, xây dựng cơ cấu quản lý pháp nhân công ty phù hợp với yêu cầu của thị trường, giải quyết cơ bản vấn đề không hợp lý trong cơ cấu quản lý công ty. Ban giám đốc ở một số doanh nghiệp giữ vai trò quyết sách, nhưng nếu trong cục diện bất lợi cho ban giám đốc xử lý sự việc, sự phát triển của doanh nghiệp phần nào sẽ bị ảnh hưởng, bất lợi cho sự phát triển của doanh nghiệp. Nhiều doanh nghiệp quốc doanh của Trung Quốc phát triển dưới sự bảo hộ bao bọc của Nhà nước, nên thiếu năng lực cạnh tranh trên thị trường. Vì vậy, trong quá trình phát triển các doanh nghiệp bất động sản, cần phải không ngừng cải cách chiến lược phát triển thị trường, tích cực đối mặt với cạnh tranh thị trường, chỉ có như vậy doanh nghiệp bất động sản mới có thể thúc đẩy ngành mình phát triển lành mạnh và ổn định.

2. Hiệu quả quản lý thấp, mô hình quản lý lạc hậu

Hầu hết các doanh nghiệp bất động sản lớn, vừa và nhỏ đều chưa có ý niệm quản lý của một doanh nghiệp bất động sản tiên tiến, cơ cấu tổ chức nội bộ doanh nghiệp xơ cứng. Nguyên nhân chủ yếu là một bộ phận doanh nghiệp quốc doanh lớn chịu ảnh hưởng của thể chế kế hoạch hóa trong thời gian quá dài, chưa xây dựng được mô hình phù hợp với cạnh tranh tự do trong môi trường kinh tế thị trường, trình độ quản lý tổng hợp của doanh nghiệp còn lạc hậu nhiều so với các doanh nghiệp lớn của nước ngoài, năng lực cạnh tranh tổng hợp của doanh nghiệp bất động sản tồn tại vấn đề nghiêm trọng, mô hình quản trị, xây dựng thương hiệu, năng lực dự báo thị trường... còn kém xa các doanh nghiệp lớn nước ngoài. Vì vậy, nếu doanh nghiệp bất động sản không xử lý tổng hợp các vấn đề của doanh nghiệp từ nhiều góc độ thì sự phát triển của doanh nghiệp sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Xét tình hình doanh nghiệp bất động sản Trung Quốc hiện nay, vì doanh nghiệp có tương đối nhiều tầng quản lý, tính tương tác bổ sung lẫn cho nhau giữa các nghiệp vụ chưa mạnh. Vì vậy, hiệu ứng quy mô tập trung của doanh nghiệp không thể phát huy triệt để. Qua phân tích tình hình phát triển thị trường xây dựng của Trung Quốc, có thể thấy sức cạnh tranh về thương hiệu, nghiệp vụ... giữa các doanh nghiệp tương đối mạnh. Trong tình hình cạnh tranh thị trường khốc liệt, lợi nhuận và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp tương đối thấp. Về cơ bản, cần phải thay đổi chiến lược thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh tổng hợp của doanh nghiệp, thúc đẩy doanh nghiệp bất động sản phát triển một cách lành mạnh và ổn định.

3. Trình độ quản lý thông tin hóa tương đối thấp kém

Xã hội ngày nay là xã hội thông tin. Trong bối cảnh xã hội như vậy, doanh nghiệp bất động sản cần phải lợi dụng khoa học kỹ thuật

để không ngừng nâng cao trình độ thông tin hóa của bản thân, đưa khoa học kỹ thuật thông tin tiên tiến hiện đại vào quá trình xây dựng thương hiệu doanh nghiệp. Hàm lượng khoa học kỹ thuật của doanh nghiệp bất động sản Trung Quốc khá thấp nếu so với doanh nghiệp cùng ngành của nước ngoài, trình độ khoa học kỹ thuật chính thể tương đối lạc hậu, ảnh hưởng rất lớn đối với sự phát triển của doanh nghiệp. Theo sau mức sinh hoạt của mọi người ngày một nâng cao, hàm lượng khoa học kỹ thuật của nhà ở cũng quyết định nhu cầu cuối cùng. Kỹ thuật thông tin ngày nay phát triển hết sức nhanh chóng, doanh nghiệp xây dựng cần phải lợi dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến để không ngừng nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật của sản phẩm và trình độ quản lý của doanh nghiệp. Con đường tất yếu để nâng cao năng lực tiêu thụ của doanh nghiệp trên thị trường là thông qua lợi dụng kỹ thuật thông tin. Xét tình hình kinh doanh và tiêu thụ trên thị trường của doanh nghiệp bất động sản hiện nay, các biện pháp khoa học kỹ thuật còn ít khi được sử dụng vào quá trình kinh doanh tiêu thụ sản phẩm. Kỹ thuật điện tử tạo điều kiện thuận lợi quan trọng cho doanh nghiệp bất động sản kinh doanh và tiêu thụ trên thị trường. Bởi vậy, cần phải áp dụng các biện pháp hữu hiệu để đưa kỹ thuật thông tin vào quá trình kinh doanh và tiêu thụ trên thị trường doanh nghiệp.

4. Cơ cấu nguồn nhân lực không hợp lý

Nguồn nhân lực luôn luôn phát huy tác dụng then chốt trong quá trình vận hành doanh nghiệp, nguồn nhân lực cũng có vai trò quan trọng nhất trong quá trình phát triển doanh nghiệp. Thế nhưng, cơ cấu nguồn nhân lực của doanh nghiệp bất động sản Trung Quốc không hợp lý lại là một vấn đề phổ biến, gây ảnh hưởng đối với công tác phát triển doanh nghiệp. Tuy hàng ngũ doanh nghiệp bất động sản của Trung Quốc tương đối hùng hậu, nhưng vì cơ cấu của nó tồn tại một số vấn đề phức tạp, năng lực cán bộ, nhân viên thấp, nhân viên kinh

doanh thiếu tri thức cần thiết trên thị trường, khiến cho cơ chế dùng người và cơ chế phân phối nhân lực ẩn chứa nhiều vấn đề nghiêm trọng, quan niệm về giá trị của nhân tài khoa học kỹ thuật chưa được thể hiện trong công tác kinh doanh trên thị trường của doanh nghiệp, vì vậy đông đảo nhân tài không thể phát huy triệt để năng lực của mình, các doanh nghiệp bất động sản cần phải thay đổi hiện tượng cơ cấu tài nguyên nhân lực không hợp lý, cơ bản thúc đẩy ngành bất động sản phát triển lành mạnh và ổn định.

5. Thiếu ý thức xây dựng thương hiệu

Hiện đang tồn tại một khoảng cách rất lớn giữa doanh nghiệp bất động sản của Trung Quốc và các doanh nghiệp bất động sản nước ngoài. Doanh nghiệp bất động sản Trung Quốc chỉ chú trọng làm thế nào để bán được nhà, chứ không quan tâm xử lý các mặt như chiến lược kinh doanh và tiêu thụ, xây dựng thương hiệu..., thiếu chiến lược kinh doanh và tiêu thụ dài hạn, như vậy ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp bất động sản Trung Quốc thường thiếu ý thức xây dựng thương hiệu. Trong quá trình phát triển, doanh nghiệp không thực sự ý thức được giá trị của thương hiệu, nhiều doanh nghiệp bất động sản Trung Quốc không có chuyên gia về phát triển thương hiệu, khiến cho quy mô phát triển doanh nghiệp không rõ ràng. Nếu doanh nghiệp bất động sản không có quy hoạch trung và dài hạn, sự phát triển của doanh nghiệp sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Đặc biệt, ở mặt quy hoạch thương hiệu, doanh nghiệp bất động sản cần phải không ngừng hình thành ý thức xây dựng thương hiệu, đẩy mạnh cải cách kinh doanh và tiêu thụ trên thị trường, thúc đẩy doanh nghiệp tạo dựng nên hệ thống kinh doanh và tiêu thụ với thương hiệu tốt.

II. Phân tích chiến lược kinh doanh và tiêu thụ của doanh nghiệp

1. Cần phải chú trọng môi trường kinh doanh và tiêu thụ của doanh nghiệp

Cạnh tranh trên thị trường bất động sản hiện nay đang ngày càng gay gắt. Để được nhận thầu công trình, một số doanh nghiệp đã kinh doanh và tiêu thụ trên thị trường bất động sản bằng mọi giá, khiến cho môi trường thị trường này trở nên không quy phạm, trật tự thị trường rối loạn sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng cho công tác kinh doanh. Thị trường bất động sản thiếu chế độ kinh doanh và tiêu thụ, thiếu cụ thể hóa. Vì vậy, nhiều quyền lợi của doanh nghiệp bất động sản không được bảo vệ triệt để, gây tổn hại cho lợi ích của người sở hữu doanh nghiệp và công ty phát triển bất động sản. Cần phải xây dựng và kiện toàn chế độ kinh doanh và tiêu thụ, thúc đẩy doanh nghiệp bất động sản kinh doanh quy phạm hóa theo chế độ kinh doanh và tiêu thụ thị trường, xây dựng chế độ bảo hiểm, tín dụng hoàn thiện, có tác dụng quan trọng đối với việc tối ưu hóa kinh doanh và tiêu thụ thị trường.

2. Chính phủ cần phải triệt để phát huy chức năng của mình

Tiến hành quy phạm môi trường kinh doanh và tiêu thụ trên thị trường bất động sản dựa vào chức năng điều tiết vĩ mô, bảo đảm cho môi trường kinh doanh và tiêu thụ trên thị trường bất động sản phát triển lành mạnh. Trong quá trình xây dựng môi trường kinh doanh và tiêu thụ trên thị trường bất động sản, cần phải tăng cường bồi dưỡng các doanh nghiệp có ưu thế, thúc đẩy các doanh nghiệp có ưu thế hình thành sức cạnh tranh thị trường mạnh mẽ, khiến cho doanh nghiệp bất động sản phát triển theo hướng chú trọng bồi dưỡng sức cạnh tranh tổng hợp. Trong quá trình đề ra chiến lược tiêu thụ trên thị trường bất động sản, cần phải tích cực khiến cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ phát triển theo hướng chuyên ngành hóa, thay đổi mô thức kinh doanh và tiêu thụ truyền thống, từ đó nâng cao mức kinh doanh và tiêu thụ chính thể trên thị trường, thúc đẩy ngành bất động sản phát triển một cách lành mạnh và ổn định .

3. Doanh nghiệp bất động sản cần phải

chú trọng quản lý giá thành

Doanh nghiệp thường theo đuổi lợi nhuận lớn nhất trong quá trình kinh doanh, vì vậy quản lý giá thành giữ vai trò cực kỳ quan trọng đối với doanh nghiệp bất động sản. Doanh nghiệp bất động sản phải chú trọng quản lý giá thành trong quá trình kinh doanh thông qua việc đề ra phương pháp hợp lý để hạ thấp giá thành sản xuất và kinh doanh. Trong quá trình quản lý giá thành, doanh nghiệp bất động sản cần phải điều tiết giá thành, dự đoán giá thành, hạch toán giá thành, phân tích giá thành. Doanh nghiệp phải quản lý giá thành các khâu trước thi công, trong thi công, trong kinh doanh tiêu thụ, giảm bớt lãng phí giá thành trong quá trình kinh doanh tiêu thụ, tinh giản các con đường kinh doanh tiêu thụ hữu quan, thúc đẩy sáng tạo quan niệm kinh doanh tiêu thụ trên thị trường, cơ bản đạt được mục tiêu giá thành kinh doanh tiêu thụ trên thị trường của doanh nghiệp.

4. Doanh nghiệp bất động sản cần phải thực hiện chiến lược thương hiệu

Kinh tế xã hội ngày nay phát triển cao độ, thương hiệu có tác dụng không thể thay thế trong quá trình kinh doanh tiêu thụ trên thị trường. Thương hiệu cũng là cơ sở để doanh nghiệp phát triển bền vững. Quá trình kinh doanh tiêu thụ trên thị trường cũng là quá trình hình thành nên thương hiệu doanh nghiệp, chúng ta cần phải không ngừng xây dựng thương phẩm, nâng cao sức cạnh tranh tổng hợp của doanh nghiệp trên thị trường. Doanh nghiệp bất động sản cần phải triển khai các công tác như lựa chọn mô thức thương hiệu, quyết sách thương hiệu hóa, quy hoạch quản lý thương hiệu, xây dựng viễn cảnh cho thương hiệu..., cần phải phát triển tư tưởng chiến lược thương hiệu đa nguyên hóa, thúc đẩy doanh nghiệp phát triển thông qua hiệu ứng thương hiệu. Trong quá trình thực hiện chiến lược thương hiệu, doanh nghiệp bất động sản cần phải định vị chính xác trên thị trường, kinh doanh và tiêu thụ xoay quanh thương hiệu, xây

dựng ý thức và quan niệm đúng đắn về thương hiệu. Doanh nghiệp còn phải quy hoạch kinh doanh và tiêu thụ theo thương hiệu, nâng cao ý thức thương hiệu thông qua quy hoạch thương hiệu, nâng cao sức công trình chủ chốt trên thị trường. Định vị trên thị trường bất động sản có tác dụng quan trọng trong phát triển bền vững doanh nghiệp, cần phải triển khai các công tác như định vị thương hiệu, chiến lược thương hiệu, thực hiện thương hiệu, nâng cao năng lực kinh doanh và tiêu thụ tổng hợp trên thị trường bất động sản. Chiến lược thị trường là điều cơ

bản để doanh nghiệp bất động sản thực hiện chiến lược thương hiệu, cần phải đặt chiến lược thương hiệu lên vị trí quan trọng, thúc đẩy doanh nghiệp bất động sản nâng cao ý thức cạnh tranh, bảo đảm cho ngành bất động sản phát triển lành mạnh và ổn định.

Trương Ánh Kiệt

Nguồn: TC "Xây dựng đô thị và nông thôn"

TQ số 2/2012

ND: Hoàng Thế Vinh

Kinh nghiệm và những gợi ý trong quản lý xây dựng quy hoạch đô thị của ba nước Bắc Âu

Phần Lan, Thụy Điển, Đan Mạch là ba nước thuộc khu vực Bắc Âu. Với vị trí địa lý hết sức đặc biệt, các phía Tây, Đông, Bắc, Nam của khu vực này lần lượt tiếp giáp với Đại Tây Dương, Đông Âu, Bắc Băng Dương và Trung Âu, khí hậu thường xuyên biến đổi, các mùa rõ rệt, hiếm gặp thời tiết khắc nghiệt, mùa hè mát mẻ, đêm ngắn, mùa đông lạnh, ngày dài, rừng dày tươi tốt, sông nước rộng lớn, tài nguyên thiên nhiên phong phú.

I. Đặc điểm xây dựng đô thị của ba nước Bắc Âu

1. Quy hoạch đô thị - toàn dân tham gia, thực thi nghiêm ngặt

Quy hoạch đô thị là biện pháp kỹ thuật trong bố cục không gian đô thị và xây dựng đô thị của ba nước Bắc Âu. Biện pháp này không những bố trí được hình thái đô thị mà quan trọng hơn, nó còn thỏa mãn nhu cầu phát triển kinh tế và xã hội, tạo môi trường sống tốt đẹp một cách hợp lý, hiệu quả. Quy hoạch thống nhất, tận dụng hợp lý đất đai đô thị, triển khai tổng hợp các hạng mục xây dựng đô thị như kinh tế, văn hóa, cơ sở hạ tầng..., bảo đảm sự phát triển lành mạnh, hài hòa có trật tự. Thông qua phân bổ tài nguyên không gian, đặc biệt là quy hoạch không gian ngầm để nâng cao hiệu suất vận

hành của đô thị, bảo đảm chắc chắn sự hài hòa giữa môi trường sinh thái và kinh tế, xã hội trong đô thị, tăng cường tính bền vững trong phát triển đô thị. Quy hoạch đô thị giữ một không gian phát triển khá lớn, đồng thời xây dựng cơ sở công bố thông tin, cơ chế hướng dẫn và quy tắc kiểm soát để toàn dân có thể tham gia biên soạn, thực thi và giám sát quy hoạch; khi quy hoạch đã qua phê duyệt thì không điều chỉnh, sửa chữa vì bất cứ nguyên nhân nào và được thực thi triệt để theo pháp luật, đảm bảo sự thống nhất giữa mục tiêu phát triển đô thị và các hoạt động xây dựng.

2. Xây dựng đô thị - hạ tầng đồng bộ, thị trường vận hành hoạt động

Tại ba nước Bắc Âu, cơ sở hạ tầng được quy hoạch trước rồi mới tiến hành xây dựng một cách đầy đủ, đồng bộ với chức năng hoàn thiện, ngoài ra xây dựng môi trường, hoàn thiện chức năng dịch vụ đô thị, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân cũng được đặc biệt chú trọng. Khu vực trung tâm thành phố có các nhà thờ, quảng trường thị chính, phố bộ hành thương mại, các con phố đều có các quán rượu, quán cà phê, công viên vui chơi; các tuyến đường thành phố sạch sẽ, mạng lưới giao thông thông suốt, giao thông công cộng thuận tiện, có

cả tuyến đường chuyên dụng dành cho xe đạp; việc chế tác quảng cáo bên ngoài đều có trật tự và quy phạm; tận dụng đầy đủ không gian ngầm, thống nhất quy hoạch, xây dựng bãi đỗ xe ngầm và mạng lưới đường ống thành phố, kết hợp tận dụng công trình phòng không dân dụng thời bình và thời chiến; tại khu vực ven đô có các siêu thị quy mô lớn, trung tâm phân phối, thị trường chuyên nghiệp; xử lý 100% nước thải sinh hoạt và công nghiệp, đồng thời đạt tiêu chuẩn xả thải hoặc tận dụng tuần hoàn. Xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị do Chính phủ chỉ đạo, các công ty xây dựng thông qua thị trường vận hành hoạt động, chú trọng chất lượng, theo đuổi hiệu quả.

3. Phong cách kiến trúc - lấy con người làm gốc, giản dị, trong sáng

Đỉnh nhọn, đỉnh mái dốc là phong cách kiến trúc chủ đạo tại Bắc Âu, các gam màu nhạt, nâu đậm rất hay được sử dụng, các chất liệu gỗ, đá, thủy tinh và sắt nghệ thuật... được ưa chuộng và luôn giữ được sự nguyên bản cho các chất liệu này. Sự tự nhiên và đơn giản luôn định hướng cho phong cách kiến trúc tại Bắc Âu, đồng thời việc tận dụng các điều kiện và tài nguyên tại bản địa đã mang tới cho các công trình nơi đây một dư vị đậm chất quê hương. Trên cơ sở chú trọng phong cách bên ngoài, kiến trúc Bắc Âu cực kỳ coi trọng hệ thống kết cấu thực thể công trình, điều này mang tới một cảm giác về sự kiên cố và vững chắc. Trong thiết kế quy hoạch, các nước Bắc Âu luôn tôn trọng môi trường, tận dụng các nguồn tài nguyên và vật liệu sẵn có, chủ nghĩa nhân bản được tôn lên hàng đầu.

4. Quản lý đô thị - ý thức tự giác bảo vệ, quản lý theo pháp luật

Các quy định pháp luật của ba nước Bắc Âu đều được kiện toàn, các vụ việc về quản lý xây dựng, quy hoạch đô thị đều được quy định cụ thể, rõ ràng bằng các quy định pháp luật, người vi phạm sẽ bị phạt nặng, người trình báo được trọng thưởng, quản lý nghiêm ngặt theo pháp

luật. Các thành phố không có các cơ cấu quản lý đô thị chuyên môn, thay vào đó, việc quản lý thành phố do cảnh sát phụ trách tuần tra, quản lý. Vào ban đêm, công nhân vệ sinh môi trường thường sử dụng các thiết bị máy móc để làm sạch các con phố và quảng trường, vì vậy ban ngày sẽ không thể nhìn thấy họ làm việc, chỉ thi thoảng nhìn thấy các xe cảnh sát tuần tra. Người Bắc Âu có tố chất văn hóa cao, giao tiếp văn minh, cư xử có quy tắc, coi trọng lời hứa và luôn đúng giờ, họ hết sức coi trọng bảo vệ môi trường, yêu thiên nhiên, mọi người tự giác tuân thủ các quy định pháp luật, duy trì bảo vệ trật tự công cộng, không khạc nhổ tùy tiện, không vứt rác, đỗ xe, bán hàng bừa bãi. Giao thông thuận tiện, không ách tắc, không có tiếng động lớn nơi công cộng, các đại lộ hay các con đường nhỏ đều rất có trật tự, đường phố gọn gàng, sạch đẹp và yên tĩnh, hệ thống công cộng không bị làm tổn hại. Đặc biệt, một số nơi quan trọng của thành phố lại luôn rộng mở cho quần chúng nhân dân, ví dụ, Quảng trường Tổng thống và Quảng trường Thị chính thành phố Helsinki của Phần Lan được dùng cho các chợ tự do, cho phép bày đặt các quầy hàng hóa, còn các thị dân và du khách tại Đan mạch có thể tự do ra vào Cung điện mùa hè của Nữ hoàng và Vườn hoa Hoàng gia để thăm quan ngắm cảnh.

II. Vài điểm gợi ý về quản lý xây dựng quy hoạch đô thị từ kinh nghiệm của ba nước Bắc Âu

1. Quy hoạch đô thị chú trọng tính lâu dài, thực thi theo pháp luật

Quy hoạch đô thị và nông thôn có tác dụng hết sức quan trọng làm hài hòa bố cục không gian hợp lý giữa đô thị và nông thôn, cải thiện môi trường cư trú, thống nhất chỉnh thể và bố cục, tính lâu dài và trước mắt của đô thị - nông thôn, thúc đẩy kinh tế xã hội đô thị, nông thôn phát triển bền vững, hài hòa và toàn diện, bảo đảm xây dựng nhất thể hóa đô thị nông thôn được tiến hành lành mạnh, có trật tự.

2. Kiến trúc đô thị đơn giản, chỉnh thể hài

hòa, kiên trì lấy con người làm gốc

Kiến trúc tại ba nước Bắc Âu giản dị, trong sáng, chú trọng chức năng, thiết kế lấy con người làm gốc, là một trong những trường phái phong cách có tầm ảnh hưởng nhất trên thế giới. Tư tưởng thiết kế theo chủ nghĩa nhân đạo, phương pháp thiết kế theo chủ nghĩa chức năng, công nghệ truyền thống kết hợp với kỹ thuật hiện đại, phương thức sống hiện đại, tự nhiên, ôn hòa, sự tự nhiên và đơn giản trong phong cách kiến trúc chủ đạo của Bắc Âu không chỉ duy trì tính dân tộc và tính khu vực độc đáo mà còn dẫn dắt phương hướng phát triển của kiến trúc theo chủ nghĩa hiện đại của thế giới.

3. Thống nhất quy hoạch không gian ngầm, tận dụng triệt để nhằm phát triển bền vững

Đô thị là trọng tâm trong phát triển kinh tế xã hội, cơ sở hạ tầng là công cụ hỗ trợ quan trọng của đô thị, không có cơ sở hạ tầng thì không thể phát triển bền vững, tuy nhiên hình thức tốt nhất cho cơ sở hạ tầng chính là không gian ngầm.

4. Chế độ quản lý đô thị ràng buộc, thưởng phạt nghiêm minh, đẩy mạnh giáo dục tư tưởng

Ba nước Bắc Âu đều dựa vào các chế độ và quy định pháp luật để ràng buộc các hành vi của con người, thông qua giáo dục văn hóa để nâng cao tố chất tổng hợp của con người, thông qua các hình phạt nặng đối với hành vi vi phạm và trọng thưởng đối với người trình báo, tạo nên một phương pháp quản lý đô thị hiệu quả.

5. Mở rộng tận dụng quảng trường, công viên, chú trọng chỉ đạo giám sát

Chỉ số hạnh phúc của người dân ba nước Bắc Âu luôn xếp vào các vị trí hàng đầu trên thế giới, cuộc sống của người dân khá tự tại, thanh thoi. Các quảng trường thị chính được dùng cho việc bày bán tự do các mặt hàng nông sản và sản phẩm hàng ngày, vườn hoa Hoàng gia là nơi người dân có thể ra vào tự do thăm quan, ngắm cảnh, một vài công viên sinh thái tại khu vực thành phố còn xây dựng khu vui chơi, làm phong phú và làm thuận tiện cho cuộc sống thường nhật của người dân thành phố.

Liên Hiểu Lăng

*Nguồn: TC Xây dựng đô thị và nông thôn
Trung Quốc, số 12/2012*

ND: Kim Nhạn

Kỷ niệm 55 năm ngày truyền thống ngành Xây dựng (29/4/1958 - 29/4/2013)

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2013



Tiết mục văn nghệ chào mừng 55 năm ngày truyền thống ngành Xây dựng của Công ty Cổ phần tư vấn Công nghiệp và Đô thị (VCC)



Toàn cảnh Lễ kỷ niệm